

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**  
**NĂM BÁO CÁO: 2016**

Tp.HCM, tháng 03 năm 2017



# MỤC LỤC

<b>PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	3
I. Thông tin khái quát .....	3
II. Quá trình hình thành và phát triển. ....	3
2.1 Quá trình thành lập .....	3
2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần .....	3
2.3 Niêm yết chứng khoán .....	4
III. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....	4
3.1 Ngành nghề kinh doanh .....	4
3.2 Địa bàn kinh doanh .....	4
IV. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	5
4.1 Mô hình quản trị .....	5
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý .....	5
4.3 Công ty con .....	5
V. Định hướng phát triển .....	6
5.1 Các mục tiêu chủ yếu .....	6
5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....	6
5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng .....	6
VI. Các rủi ro .....	6
<b>PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016</b> .....	8
I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 .....	8
1.1 Kết quả thực hiện .....	8
1.2 Đánh giá kết quả thực hiện .....	8
II. Tổ chức nhân sự .....	19
2.1 Danh sách và lý lịch Ban điều hành .....	19
2.2 Những thay đổi trong Ban điều hành .....	19
2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động .....	19
III. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án .....	21
3.1 Các khoản đầu tư lớn .....	21
3.2 Công ty con, công ty liên kết .....	21
IV. Tình hình tài chính .....	22
4.1 Tình hình tài chính .....	22
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	22
V. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....	22
5.1 Cổ phần .....	22

5.2 Cơ cấu cổ đông.....	23
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	25
<b>PHẦN III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH.....</b>	<b>26</b>
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	26
1.1 Đánh giá các chỉ tiêu chủ yếu .....	26
1.2 Những tiên bộ đã đạt được .....	27
II. Tình hình tài chính .....	28
2.1 Tình hình tài sản.....	28
2.2 Tình hình nợ phải trả.....	28
2.3 Quản lý rủi ro .....	28
III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....	29
IV. Kế hoạch phát triển năm 2016.....	29
4.1 Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch 2016.....	29
4.2 Chỉ tiêu kế hoạch.....	30
4.3 Biện pháp thực hiện.....	30
<b>PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT.....</b>	<b>34</b>
4.1 Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty.....	34
4.2 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành .....	34
4.3 Kế hoạch định hướng của HĐQT .....	35
<b>PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>36</b>
I. Hội đồng quản trị .....	36
1.1 Thành viên và cơ cấu .....	36
1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	36
1.3 Hoạt động của HĐQT .....	36
1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành .....	37
1.5 Danh sách các thành viên có chứng chỉ đào tạo về quản trị .....	37
1.6 Danh sách các thành viên tham gia chương trình về quản trị trong năm.....	38
II. Ban Kiểm soát.....	38
2.1 Thành viên và cơ cấu .....	38
2.2 Hoạt động của ban kiểm soát .....	38
III. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS.....	39
4.1 Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác.....	39
4.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.....	39
4.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ .....	40
<b>PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2016 .....</b>	<b>41</b>

# PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC.**
- Tên tiếng Anh: **Thu Duc Water Supply Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **Thu Duc Wasuco.J.S.C**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0304803601 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 10/11/2014.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng)
- Địa chỉ: Số 8 Không Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, Tp.HCM.
- Điện thoại: (08) 3896 2040.
- Fax: (08) 3896 0241.
- Website: [www.capnuocthuduc.vn](http://www.capnuocthuduc.vn)
- Mã chứng khoán: TDW

## II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

### 2.1 Quá trình thành lập:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức có lịch sử hình thành như sau:

- Ngày 31/07/1992 Sở Giao thông Công chánh thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định 202/QĐ-TCNTL về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa;
- Ngày 12/01/2005, Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký Quyết định số 012/QĐ-CN-TCLĐTL về việc đổi tên Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức Biên Hòa thành Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức;
- Ngày 31/8/2005 Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn ký quyết định 65/QĐ-TCT-TC về việc thành lập Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức trực thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn;

### 2.2 Việc chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

Ngày 30/12/2005 Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định 6662/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/02/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

### **2.3 Niêm yết chứng khoán.**

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã tiến hành niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM theo Quyết định 206/QĐ-SGDHCM ngày 17/09/2010, cụ thể như sau:

- Tên công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.
- Tên tiếng Anh: Thu Duc Water Supply Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Thu Duc Wasuco.J.S.C
- Trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp.HCM
- GCNĐKKD: 4103005935 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/01/2007.
- Vốn điều lệ: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: TDW
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 8.500.000 cổ phiếu (tám triệu năm trăm nghìn).
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 85.000.000.000 đồng (tám mươi lăm tỷ đồng).
- Ngày giao dịch đầu tiên trên HOSE: 11/11/2010.

## **III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH:**

### **3.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước;
- Cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo Quyết định của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn).
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng).
- Xây dựng công trình cấp nước.
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

### **3.2 Địa bàn kinh doanh**

- Khu vực quận 2, quận 9, quận Thủ Đức và một phần tỉnh Bình Dương.

#### IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

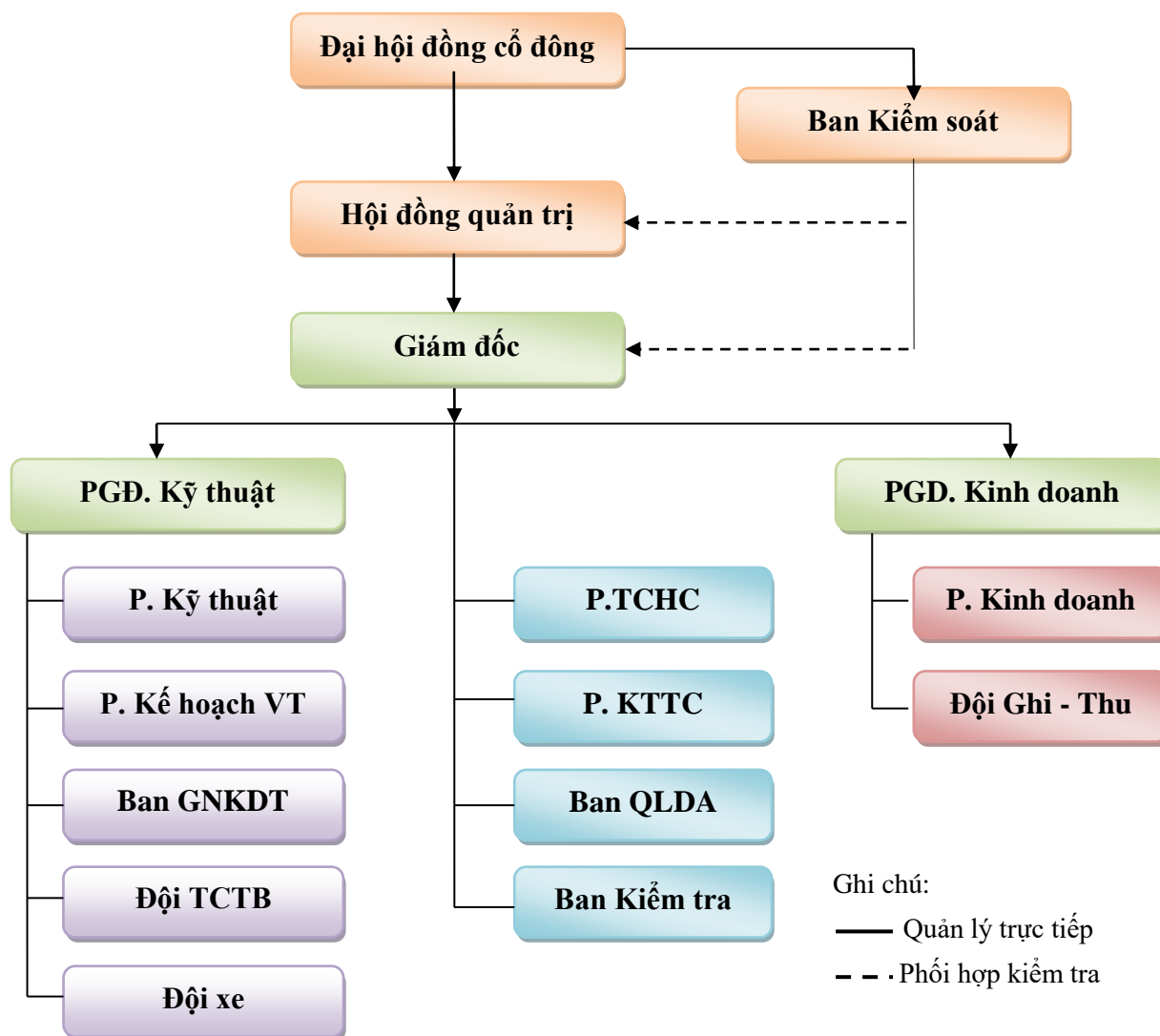
##### 4.1 Mô hình quản trị.

Mô hình quản trị doanh nghiệp bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Ban Kiểm soát;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Điều hành (đứng đầu là Giám đốc).

##### 4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.

Cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc.



##### 4.3 Công ty con, Công ty liên kết: Không có

## **V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

### **5.1 Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- Nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp; Hoàn thiện mạng lưới cấp nước;
- Cung cấp nước liên tục, ổn định 24/24h bảy ngày trong tuần;
- Giảm tỷ lệ thất thoát nước;
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn, tăng trưởng lợi nhuận;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

### **5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Căn cứ vào tình hình phát triển chung của ngành cấp nước, để đạt được mục tiêu đã đề ra, Công ty phải đảm bảo thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch hàng năm. Không chỉ giữ vững khách hàng truyền thống, mà còn chú trọng đến khách hàng tiềm năng tương ứng với mục tiêu dài hạn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có của công ty cùng với khách hàng truyền thống, Công ty sẽ tiếp tục duy trì, ổn định và phát triển sản xuất. Trong đó, tập trung vào các nội dung:

- Nâng cao năng lực phát triển mạng lưới cấp nước cho các khu vực hiện chưa có hệ thống cấp nước sạch của thành phố;
- Tăng cường thu thập thông tin, tiếp cận với các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ;
- Tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng;
- Nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch;
- Phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát nước.

### **5.3 Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.

Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; áp dụng đúng các quy định chuyên môn về kỹ thuật của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

## **VI. CÁC RỦI RO**

Địa bàn do Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức quản lý rộng, dân cư biến động lớn, còn nhiều dự án phải đầu tư phát triển mạng lưới. Nguồn vốn cần đầu tư lớn nhưng việc phát triển hệ thống ống nhánh lắp đặt cho khách hàng với số lượng ít do mật độ các hộ dân còn thưa dẫn đến vốn đầu tư cao, thời gian thu hồi vốn lâu.

Tại một số khu vực dân cư, người dân chỉ sử dụng nước máy cho ăn uống, các sinh hoạt khác sử dụng nguồn nước giếng.

Doanh thu chủ yếu của Công ty từ dịch vụ cung cấp nước sạch, do đó hiệu quả kinh doanh phụ thuộc vào giá nước được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định.



# PHẦN II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

## I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1.1. Kết quả thực hiện:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ %
<b>A</b>	<b>Sản xuất kinh doanh</b>				
1	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	63.000	65.714	104,31
2	Doanh thu tiền nước	triệu đồng	567.882	598.955	105,47
3	Gắn mới đồng hồ nước	cái	6.000	14.556	242,60
4	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	19.950	21.011	105,31
5	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	50	115	230
6	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00	100,00
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	19,00	19,79	95,84
8	Tỷ lệ thực thu	%	100,00	98,48	98,48
<b>B</b>	<b>Đầu tư phát triển</b>				
1	Phát triển mạng lưới	mét	23.653	24.299	102,73
2	Sửa chữa ống mục	mét	39.485	35.894	90,90

### 1.2 Đánh giá kết quả thực hiện:

#### a. Sản lượng nước cung cấp:

Nhiệm vụ cung cấp nước an toàn, liên tục và đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn quản lý là nhiệm vụ chính hàng đầu của Công ty. Sản lượng nước cung cấp năm 2016 đạt 65.714.345 m<sup>3</sup>, bằng 104,31% so với kế hoạch năm, tăng 8,06 triệu m<sup>3</sup> so với năm 2015.

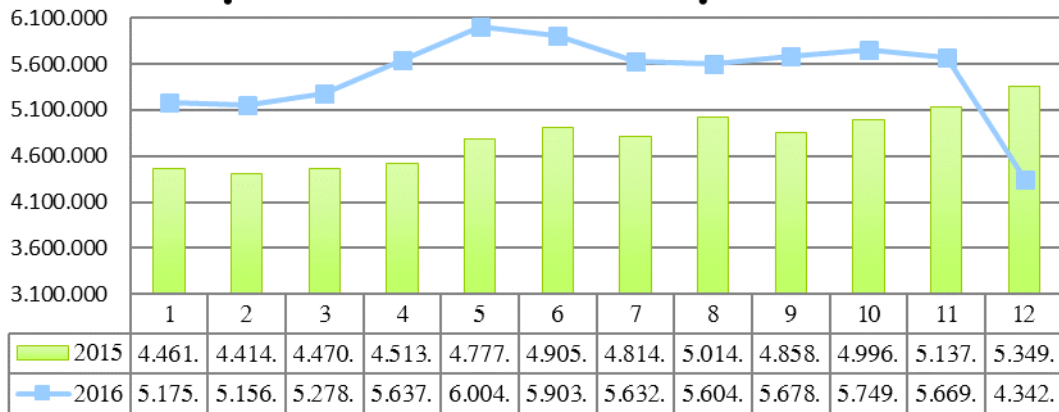
Đề đạt được kết quả như trên chủ yếu là do trong năm 2015 Công ty đã có sự đầu tư lớn và trải rộng trên địa bàn quản lý tại Quận Thủ Đức và Quận 9 trong công tác phát triển mạng lưới cấp nước. Sản lượng nước cung cấp trung bình trong năm 2015 là 4,8 triệu m<sup>3</sup>/tháng nay đã tăng lên hơn 5,4 triệu m<sup>3</sup>/tháng trong năm 2016, chứng tỏ việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước của Công ty mang lại hiệu quả cao.

Cùng với đó, việc điều tiết áp lực cho các khu vực đã có mạng lưới cấp nước nhưng áp lực yếu đã làm tăng sản lượng nước, góp phần hoàn thành thắng lợi kế hoạch năm 2016.

Tại những khu vực chưa thể phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty cũng đã điều phối xe bồn để tiếp nước cho các bồn chứa với tổng số lượng nước cung cấp là 274.715 m<sup>3</sup>.

Kết quả đạt được như trên đã phản ánh tinh thần trách nhiệm, sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc của tập thể cán bộ, công nhân lao động toàn Công ty.

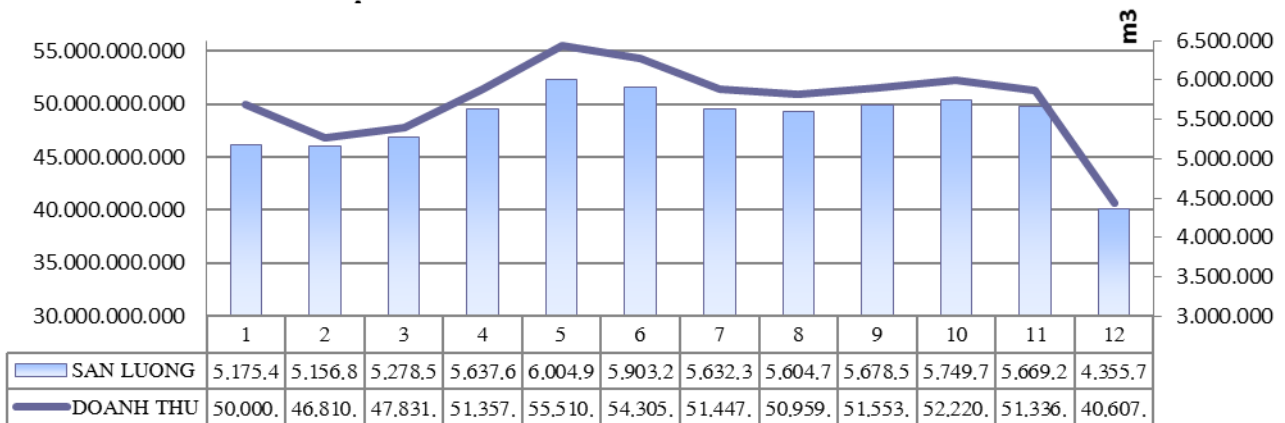
## LƯỢNG NƯỚC TIÊU THỤ 2015 - 2016



### b. Doanh thu và tỷ lệ thực thu:

Năm 2016, doanh thu tiền nước đạt 598.954.902.670 đồng bằng 105,47% so với kế hoạch năm; tăng 79,2 tỷ đồng so với năm 2015.

## SẢN LƯỢNG NƯỚC CUNG CẤP – DOANH THU



Năm 2016, có hơn 114.951 hóa đơn tiêu thụ nước bằng 0 tăng hơn 15.589 hóa đơn so với năm 2015. Để giải quyết tình trạng này, Công ty đã thường xuyên thực hiện công tác rà soát các địa chỉ có tiêu thụ bằng 0 nhiều kỳ, nhà đóng cửa thường xuyên vì đây là nhóm khách hàng có tiêu thụ thấp, hiệu quả đầu tư không cao, Trong năm, Công ty đã cắt tạm 771 đồng hồ, cắt huỷ 770 đồng hồ.

Công tác rà soát, kiểm tra lượng nước tiêu thụ, đối tượng sử dụng nước của khách hàng cũng được chú trọng thực hiện. Công ty đã thực hiện hơn 1.352 lượt điều chỉnh giá biểu, định mức, đúng với thực tế nên đã làm tăng giá bán bình quân từ 9.016đ/m<sup>3</sup> năm 2015 lên 9.117đ/ m<sup>3</sup>năm 2016; Song song đó, để hưởng ứng cuộc vận động của thành phố chung tay hỗ trợ công nhân, sinh viên ở trọ giảm bớt phần nào khó khăn trong cuộc sống, năm 2016 Công ty đã cấp định mức nước cho 4.753 nhà trọ (tăng 1.552 nhà trọ so với năm 2015), với số lượng người ở trọ được cấp định mức là 117.642 người.

Thực hiện chương trình nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, Công ty đã chủ động liên hệ với các ngân hàng và các tổ chức thu hộ. Việc mở rộng các kênh thanh toán tạo thuận lợi cho khách hàng cũng như tăng tỷ lệ thực thu, giảm rủi ro cho công tác thu tiền. Năm 2016 đã có 279.744 lượt khách hàng thanh toán qua ngân hàng, và các tổ chức thu hộ Payoo, Momo...

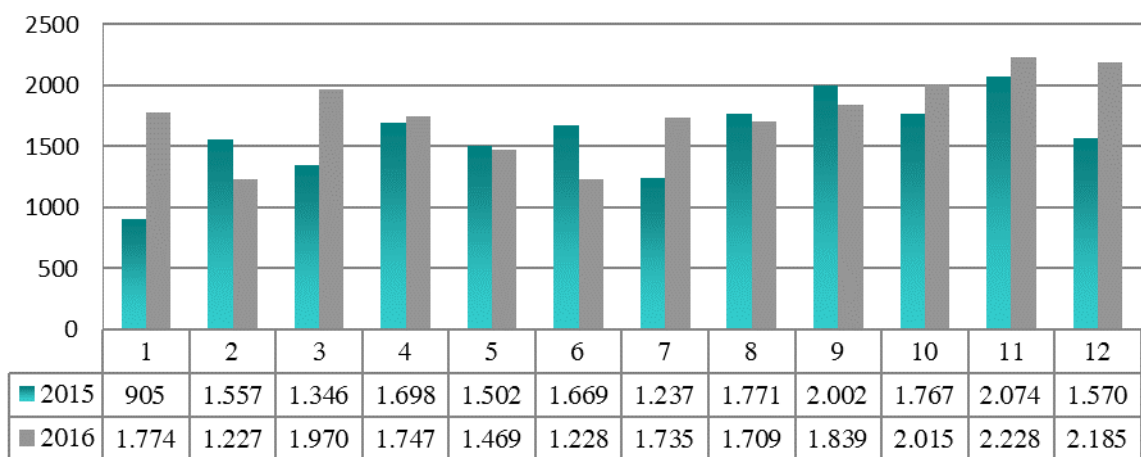
Nhờ vào các biện pháp quản lý chặt chẽ doanh thu tiền nước, tăng cường thu thêm ngày thứ 7 trong những đợt cao điểm, với nỗ lực rất lớn của tập thể đội Ghi thu cùng với việc hỗ trợ nhiệt tình từ các phòng, ban, đội như: đội Quản lý đồng hồ nước, ban Kiểm tra, phòng Kinh doanh, đội Thi công tu bổ mà công tác thu tiền luôn đạt hiệu quả, tỷ lệ thực thu luôn đạt ở mức cao.

### c. Chỉ tiêu thay đồng hồ nước:

Kết quả thực hiện chỉ tiêu thay đồng hồ nước cỡ nhỏ đạt 21.011 cái, bằng 105,32 % so kế hoạch năm; thay đồng hồ nước cỡ lớn là 115 cái, đạt 230% kế hoạch năm.

Công tác thay đồng hồ nước của Đội thi công tu bổ, kết hợp với công tác kiểm tra sản lượng nước tiêu thụ thực tế của các đồng hồ cỡ lớn của Ban kiểm tra để có những điều chỉnh hợp lý, góp phần không nhỏ trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu chung của Công ty.

## THAY ĐỒNG HỒ NƯỚC NĂM 2015 - 2016

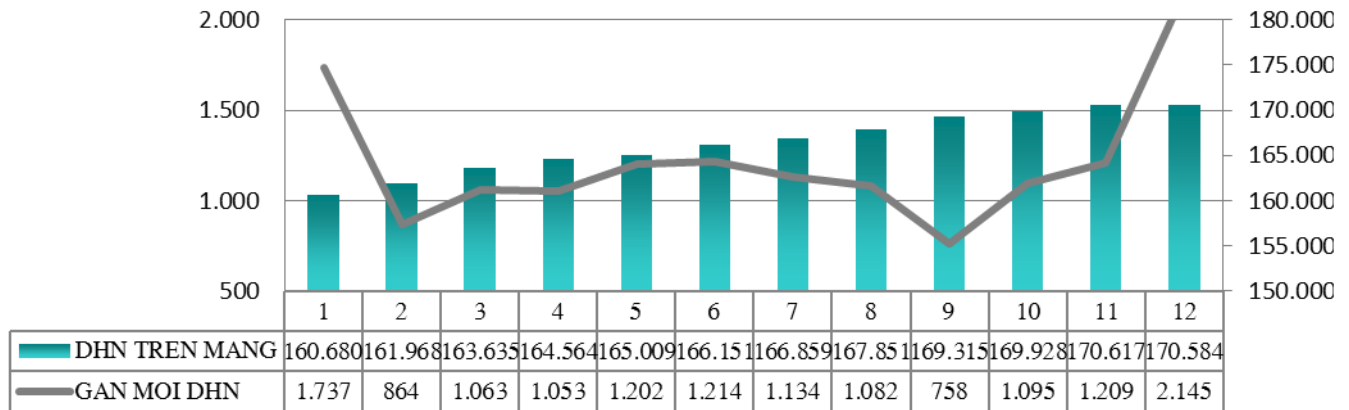


### d. Chỉ tiêu gắn mới đồng hồ nước:

Năm 2016 đạt 14.556 đồng hồ, bằng 242,60% so với kế hoạch năm; giảm 9.240 đồng hồ so với năm 2015.

Chỉ tiêu gắn mới đồng hồ nước và sản lượng nước phụ thuộc rất lớn vào việc triển khai các dự án phát triển mạng lưới cấp. Các tuyến ống cấp nước mới lắp đặt sẽ cung cấp nước cho những khu vực dân cư tập trung, nhằm thay thế nguồn nước ngầm.

## SỐ LƯỢNG ĐỒNG HỒ NƯỚC GẮN MỚI



### **đ. Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch:**

Nhiệm vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn quản lý là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Đứng trước nhiệm vụ được giao, Công ty đã quyết liệt trong việc triển khai thực hiện bằng nhiều biện pháp như: Triển khai thực hiện các dự án phát triển mạng lưới cấp nước, tập trung thi công hoàn tất, nhanh chóng đưa vào sử dụng; đẩy mạnh công tác gắn đồng hồ nước để người dân có nước sạch sử dụng. Ở những khu vực chưa phát triển mạng lưới cấp nước, Công ty đã lắp đặt các bồn chứa nước để cung cấp nước sạch hoặc gắn đồng hồ tổng.

Với sự quyết tâm, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều biện pháp của lãnh đạo, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân lao động Công ty đã hoàn thành nhiệm vụ được giao 100% hộ dân trên địa bàn quản lý được cấp nước sạch.

Song song đó, Công ty phối hợp với chính quyền địa phương, thực hiện phong trào hướng đến anh, chị, em công nhân, sinh viên là người nhập cư hiện đang tạm trú trên địa bàn quản lý, kêu gọi, vận động chủ nhà trọ đăng ký định mức nước nhằm giảm bớt gánh nặng cho người nhập cư hiện tạm trú trong khu vực.

### **e. Chỉ tiêu phát triển mạng lưới cấp nước:**

Hoàn tất thi công và đưa vào sử dụng 2 dự án được 24.229 mét đạt 102,73% so với kế hoạch năm. Ngoài ra công ty đã thỏa thuận khách hàng đầu tư phát triển mạng lưới 901 mét. Việc quyết định đầu tư vào các dự án này đã mang lại hiệu quả rất rõ như: giúp Công ty thực hiện phát triển thêm khách hàng mới, sản lượng nước cung cấp tăng hơn 8,06 triệu m<sup>3</sup> so với năm 2015, giữ vững tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn do Công ty quản lý.

### **f. Chỉ tiêu cải tạo mạng lưới cấp nước:**

Các dự án di dời đường ống cấp nước gặp khó khăn do Công ty chưa được bàn giao mặt bằng thi công, tuy nhiên với sự quyết tâm cao, Công ty đã thực hiện hoàn thành 12 dự án, với 35.894 mét ống đạt 90,90% kế hoạch năm. Với tổng kinh phí đầu tư hơn 78 tỷ đồng.

### **g. Công tác quản lý mạng lưới:**

Công ty đã sửa chữa kịp thời 7.939 điểm bể (với 6.713 điểm bể nổi và 1.226 điểm bể ngầm) tăng 1.485 điểm bể so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2016 trên địa bàn quận 9 và Thủ Đức triển khai thi công nhiều công trình hạ tầng giao thông, gây ảnh hưởng lớn đến hệ thống cấp nước của Công ty.

Sửa chữa, coi 161 van; di dời, đổi cỡ 1.503 đồng hồ nước giúp cho công tác biên đọc, điều tiết áp lực, sửa bể và quản lý của đơn vị được thuận lợi hơn.

#### **h. Công tác kiểm tra :**

Năm 2016, Ban Kiểm tra đã đạt được những thành tích nổi bật sau:

- Tiếp nhận 24.588 hồ sơ, đã giải quyết 22.492 hồ sơ, đạt tỷ lệ 91%;
- Kiểm tra hơn 1.000 địa chỉ sử dụng nước sai giá biểu, định mức; gian lận, bất hợp pháp; xử lý truy thu 670 trường hợp, thu được 2.988.051.532đ, đạt 120% kế hoạch năm;
- Chuyển hủy 811 địa chỉ cắt tận gốc do khách hàng nợ tiền cước, do giải tỏa, do khách hàng không còn nhu cầu sử dụng, cưỡng chế thu hồi đất, ...
- Tiến hành kiểm tra, báo thay 1.611 địa chỉ do khách hàng nghi ngờ đồng hồ nước chạy bất thường (thay kiểm định), đồng hồ nước ngưng, kính mờ, đứt chì đến hạn thay định kỳ, chạy lết, chạy bất thường, xì nước mặt số, ...Kiểm tra, giải quyết hơn 1.611 trường hợp hoá đơn bằng không nhiều kỳ;
- Hỗ trợ tích cực với các Phòng các Ban, Đội trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cụ thể:
  - + Hỗ trợ Đội Thu tiền (Đội QL Ghi-thu ĐHN) thu tiền những trường hợp nợ tiền nước khó thu hồi, số tiền lớn; những trường hợp khách hàng xin trả đồng hồ nước, các trường hợp khách hàng khiếu nại chỉ số nước không đồng ý thanh toán; thu chi phí đóng mở nước ... với số tiền hơn 200.000.000đ;
  - + Kiểm tra giải quyết, hỗ trợ thu tiền những trường hợp đồng hồ nước đứt chì chưa đến hạn thay định kỳ, đồng hồ nước mất, bể kính... hơn 719 trường hợp, số tiền thu được: 793.915.603đ;
  - + Phối hợp Phòng Kỹ thuật giải quyết những trường hợp cản trở trong công tác gắn đồng hồ nước mới; Phối hợp Ban Quản lý Dự án giải quyết các trường hợp cản trở đầu nối trong công tác cải tạo ống mục, những trường hợp bể ống ngánh nằm trong nhà khách hàng không cho sửa chữa,....

#### **i. Công tác Giảm nước không doanh thu**

Công tác giảm nước thất thoát thất thu được lãnh đạo Công ty xem là nhiệm vụ trọng tâm và hàng đầu góp phần giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả đầu tư, tăng lợi nhuận, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Vì vậy, Ban điều hành đã quyết liệt chỉ đạo thực hiện giảm nước thất thoát với nhiều biện pháp khắc phục đồng bộ mang lại hiệu quả cao.

Trong kỳ 12/2016, Công ty đã triển khai thực hiện mô hình “Ghi-Thu đồng hồ nước”, theo đó lịch đọc số đồng hồ nước khách hàng từ 20 đợt được rút ngắn thành 08 đợt đọc

số, do đó chu kỳ đọc số có thay đổi so với những kỳ trước, điều này ảnh hưởng tới việc thống kê sản lượng tiêu thụ qua đồng hồ nước của khách hàng và không tính toán chính xác được tỷ lệ thất thoát nước trong kỳ trong kỳ. Vì vậy, tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2016 của Công ty chỉ tính toán đến kỳ 11/2016, cụ thể như sau:

- Tỷ lệ TTN (thất thoát nước) trung bình năm 2016 là 19,79% giảm 2,76% so với trung bình năm 2015 (22,55%) – tỷ lệ xấp xỉ kế hoạch được giao là 19%.
- Trung bình lượng nước thất thoát của Công ty năm 2016 giảm 1.094 m<sup>3</sup>/ngày so với năm 2015.
- Tính đến tháng 12/2016, đã nhân rộng vùng giảm nước thất thoát thất thu GNTTTT) tại 15 DMA mới, nâng tổng số DMA thực hiện GNTTTT lên thành 34 DMA.

Năm 2016, tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty có xu hướng giảm ổn định, đánh giá nhận định do một số yếu tố sau:

- Công tác GNTTTT thực hiện tốt mang lại hiệu quả tích cực góp phần kéo giảm tỷ lệ TTN:
- Chủ động giảm thất thoát nước tại các DMA (thực hiện phương pháp Steptest) bước đầu mang lại hiệu quả góp phần kéo giảm tỷ lệ TTN của toàn công ty: tiêu biểu là công tác tìm hãm tỷ lệ thất thoát nước tại 12 DMA đã thực hiện GNTTTT < 15% và kéo giảm nhanh tỷ lệ thất thoát nước tại 07 DMA nhân rộng GNTTTT vào cuối năm 2015 (tỷ lệ thất thoát nước chung của 07 DMA trong năm 2016 giảm 4,74% so với năm 2015) mang lại hiệu quả tích cực. Mặt khác, công tác nhân rộng GNTTTT tại 15 DMA mới giúp nhanh chóng khoanh vùng thất thoát nước, đảm bảo việc thực hiện GNTTTT chủ động có hiệu quả trong năm 2017.
- Thay đổi phương pháp dò bể và đảm bảo sửa bể kịp thời, đúng kỹ thuật góp phần làm giảm nhanh lượng nước thất thoát, một phần cũng giúp kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước: số lượng điểm bể ngầm phát hiện sửa chữa kịp thời tăng 44% so với năm 2015; tỷ lệ bể ngầm trên tổng điểm bể tăng mạnh - đặc biệt là ở các quý 3 và quý 4 năm 2016 (xấp xỉ 17%); tỷ lệ dò chính xác tăng cao đạt 93%; kỹ năng nhân viên dò bể được nâng cao (trung bình tìm được 5,5 điểm bể/tháng năm 2015, tăng thành 8 điểm bể/tháng trong năm 2016)
- Xử lý kịp thời các điểm xì bể do công trình hạ tầng với quy mô lớn thi công ồ ạt và kéo dài trên địa bàn: các “điểm đen” là tuyến đường Đỗ Xuân Hợp – Quận 9; công trình thi công cống thoát nước trên Đường 2, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức; dọc đường Lương Định Của, đường Trần Nãi và các khu vực giải tỏa Quận 2 ... gây nhiều xì bể, khó kiểm soát. Tổng số điểm bể đã sửa trong năm 2016 tăng 1.485 điểm bể so với năm 2015 (đặc biệt xuất hiện nhiều điểm bể lớn trên ống cái do các công trình thi công gây ra). Trong năm 2016, đã phát hiện và lập biên bản hiện trường 88 trường hợp (trong đó 56 trường hợp công trình thi công làm xì bể trên ống  $\Phi > 100\text{mm}$ ).
- Công tác chống thất thoát nước vô hình thực hiện bám sát tiến độ đề ra mang lại hiệu quả cao: năm 2016 đã phát hiện 15 trường hợp gian lận về lượng, truy thu 70.676 m<sup>3</sup>.

- Thực hiện có hiệu quả công tác rà soát phân lại địa bàn đọc số theo quận, qua đó siết chặt công tác đọc số, giảm thiểu sai số trong quá trình đọc số, giảm tính trung bình, giúp tính toán chính xác hơn tiêu thụ qua ĐHN khách hàng cũng như tổng tiêu thụ qua ĐHN của Công ty.

Tuy nhiên vẫn còn một số yếu tố dẫn đến tỷ lệ TTN toàn công ty chưa giảm nhanh đạt kế hoạch 19% - do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn giao:

- Một số đồng hồ tổng (ĐHT) có sản lượng tiêu thụ tăng giảm bất thường, dẫn đến sản lượng mua bán sỉ của Công ty tăng đột biến. Do đó, mặc dù công tác GNTTTT có hiệu quả nhưng lượng nước thất thoát giảm được lại không ổn định. (đến quý 3 và 4 năm 2016 thì tình hình này đã được cải thiện).
- Một số ĐHT mua bán sỉ và Datalogger thường xuyên xảy ra sự cố dẫn đến phải tính sản lượng tiêu thụ trung bình trong thời gian dài. (tiêu biểu như các ĐHT RMK, ĐHT Nguyễn Xiển).
- Một số ĐHT mua bán sỉ hiệu AQUAMASTER của hãng ABB có bộ hiển thị thường xuyên bị lỗi (đến quý 4 năm 2016 các ĐHT có bộ hiển thị bị lỗi mất net đã được khắc phục, tuy nhiên hiện còn có 02ĐHT/ 11ĐHT hiệu này đang bị báo lỗi sensor), điều này ảnh hưởng tới quá trình đọc số để xác định chính xác sản lượng tiêu thụ qua ĐHT.
- Ảnh hưởng của công tác súc xả, điều tiết mạng lưới, điều tiết áp lực tại nhà máy nước nhằm tiếp nước Nhà máy nước Thủ Đức 3 và xử lý các sự cố trên mạng lưới cấp nước do Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch quản lý (tập trung tại các Phường: Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Linh Đông, Bình Chiểu - Quận Thủ Đức và An Phú, Bình An - Quận 2) làm xáo trộn thủy lực nước trên địa bàn Công ty dẫn đến tăng đột biến số lượng điểm bể và xuất hiện nước đục tại nhiều khu vực (tập trung chủ yếu vào Quý 2 và Quý 3 năm 2016). Mặc dù Công ty CPCN Thủ Đức đã thực hiện các công tác súc xả, sửa bể và điều tiết áp lực xử lý sự cố kịp thời, nhưng vẫn không kéo giảm ổn định được lượng nước thất thoát, làm ảnh hưởng tới tỷ lệ TTN toàn công ty.
- Mặc dù tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty đang có xu hướng giảm ổn định trong quý 4 năm 2016, tuy nhiên việc thực hiện mô hình “Ghi-Thu đồng hồ nước” trong kỳ 12/2016 dẫn đến thay đổi lịch đọc số ĐHN khách hàng và không tính toán chính xác được tỷ lệ TTN trong kỳ này, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới việc kéo giảm tỷ lệ TTN năm 2016.

Công tác tìm hãm tỷ lệ thất thoát nước tại các khu vực đã thực hiện GNTTTT và nhân rộng vùng GNTTTT:

Tính đến tháng 12/2016, tổng số DMA thực hiện GNTTTT là 34 DMA:

- Đã nhân rộng GNTTTT tại 15 DMA mới:
  - DMA Man Thiện: tỷ lệ TTN ban đầu là 21,69%
  - DMA Tăng Nhơn Phú A: tỷ lệ TTN ban đầu là 32,47%
  - DMA Cư xá Kiến Thiết: tỷ lệ TTN ban đầu là 21,24%
  - DMA Phước Long A: tỷ lệ TTN ban đầu là 44,84%
  - DMA Nam Long Kiến Á: tỷ lệ TTN ban đầu là 16,86%

- DMA Bình Chiểu: tỷ lệ TTN ban đầu là 16,14%
- DMA Hiệp Bình Chánh 1B: hoàn tất PVTM (phân vùng tách mạng), bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Hiệp Bình Chánh 1C&D: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Hiệp Bình Chánh 1E: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Hiệp Bình Chánh 1A: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Trần Nãi 1: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Trần Nãi 2: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Đông Tăng Long: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.
- DMA Khu tái định cư Long Sơn: hoàn tất PVTM, bắt đầu nhân rộng GNTTTT.

Đa phần các DMA này đều chỉ mới tổng hợp tính toán tỷ lệ thất thoát nước ban đầu và 06DMA/15DMA bước đầu thực hiện các công tác GNTTTT mang lại hiệu quả tích cực.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác GNTTTT tại 19 DMA đã thực hiện GNTTTT tính tới cuối năm 2015:
  - Kéo giảm và kìm hãm tỷ lệ thất thoát nước tại 12 DMA đã thực hiện GNTTTT: đa số được kìm hãm ở tỷ lệ  $\leq 10\% \div 15\%$ .
  - Đẩy mạnh công tác GNTTTT có hiệu quả cao tại 07 DMA bắt đầu nhân rộng trong năm 2015: Tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2016 giảm 4,74% so với năm 2015. Tiêu biểu là 04 DMA có tỷ lệ thất thoát nước trung bình năm 2016 giảm mạnh so với trung bình năm 2015 là: DMA Bình Trưng Đông giảm 8,46%; DMA Bình Trưng Tây giảm 15,22%; DMA Long Phước giảm 4,23%; DMA KP1-Hiệp Bình Phước giảm 14,11%).

03DMA còn lại nằm ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi công tác tiếp nước Nhà máy nước Thủ Đức 3. Mặc dù đã thực hiện một số công tác GNTTTT mới (khoanh vùng rò rỉ chủ động bằng phương pháp Steptest; theo dõi, phát hiện sửa chữa kịp thời các điểm rò rỉ ....) làm cho tỷ lệ thất thoát nước trung bình của 07 DMA này có giảm nhưng chưa ổn định.

- Thực hiện steptest kết hợp với các phương pháp dò tìm rò rỉ chủ động bước đầu thí điểm tại một số DMA, chuẩn bị nhân rộng trên toàn bộ các DMA thực hiện GNTTTT.
- Kiểm soát chặt chẽ tỷ lệ TTN của từng DMA hàng tháng, ngay cả với các DMA có tỷ lệ TTN thấp và nhanh chóng xác định tỷ lệ TTN ban đầu tại các DMA mới nhân rộng GNTTTT. Qua đó, có giải pháp cụ thể, nhanh chóng khoanh vùng thất thoát nước và có biện pháp kịp thời ngay khi thất thoát nước có xu hướng tăng.
- Công tác chống thất thoát nước vô hình:
  - Đạt thỏa thuận hạ cỡ 28/76 trường hợp ĐHN cỡ lớn ( $\geq 40$  ly).
  - Rà soát kiểm tra 227 địa chỉ nghi ngờ gian lận, phát hiện xử lý 14 trường hợp.
  - Kiểm tra xử lý 38/380 địa chỉ ĐHN chạy bất thường thu lại 61.409 m<sup>3</sup>.



- Kiểm tra, giải quyết 1.611 danh bộ tiêu thụ = 0 m3 nhiều kỳ.
- Công tác phân vùng tách mạng:
  - ✓ Công tác phân vùng tách mạng chuyển tiếp năm 2015:
    - 15 DMA: hoàn tất phân vùng tách mạng & triển khai GNTTTT.
    - 06 DMA: hiện đang gặp trở ngại trong công tác PVTM (DMA Vạn Phúc; DMA Phước Thiện; DMA Phước Bình; DMA Đình Phong Phú; DMA Metro An Phú; DMA Linh Tây)
  - ✓ Công tác phân vùng tách mạng Quận 9 (Đợt 1,2): 19 DMA
    - 18 DMA đang thi công hầm ĐHT.
    - 01 DMA đã nhân rộng GNTTTT (DMA Đông Tăng Long).
  - ✓ Công tác phân vùng tách mạng Quận Thủ Đức: hiện đang duyệt thiết kế DMA.
  - ✓ Xây dựng hệ thống truyền nhận dữ liệu lưu lượng và áp lực tại các ĐHT tiểu vùng về trung tâm đặt tại Công ty bằng Data logger Sofrel LS42 thông qua Sim có đăng ký 3G. (tính tới 12/2016 đã thực hiện tại 36 vị trí ĐHT tiểu vùng)

#### **j. Công tác tổ chức hành chính:**

##### **▪ Công tác tổ chức:**

Thực hiện Nghị định số 60/2013/NĐ-CP ngày 19/6/2013 về Quy định chi tiết Khoản 3 Điều 63 của Bộ luật Lao động về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nơi làm việc. Công ty đã triển khai thực hiện các nội dung bao gồm:

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở.
- Tổ chức thực hiện Quy chế Đối thoại định kỳ đúng định kỳ, đúng tiến độ.
- Tổ chức thành công Hội nghị Người lao động.

##### **▪ Công tác nhân sự:**

Nhằm đảm bảo nhân sự được sắp xếp, bố trí công tác hợp lý, tránh lãng phí, Công ty xem xét, chú trọng ngay từ khâu tuyển dụng trên cơ sở định biên lao động để bố trí công tác. Việc xét nâng bậc lương tại các bộ phận cũng được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Trong năm Công ty tuyển dụng 10 lao động, luân chuyển 125 trường hợp (thành lập đội Ghi-Thu ĐHN), tổ chức xét nâng bậc lương cho 05 cán bộ, công nhân lao động. Xét chuyển ngạch lương 56 trường hợp. Nghỉ việc 07 trường hợp, và 01 trường hợp nghỉ hưu.

##### **▪ Công tác đào tạo :**

Công tác đào tạo là mục tiêu của Công ty nhằm nâng cao tay nghề, nâng cao nghiệp vụ công tác, nâng cao năng suất làm việc của người lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị của Công ty.

Đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty tạo điều kiện để giới thiệu tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn như thi nâng bậc, đào tạo nâng cao tay nghề... qua các khóa học ngắn hạn. Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn.

▪ **Chế độ, chính sách cho người lao động :**

- Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc. Có 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đảm bảo khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động với mức phí là 12 triệu đồng/hồ sơ.
- Thực hiện trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc cho người lao động.
- Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.
- Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe để cống hiến, phục vụ công tác tốt hơn như tổ chức Hội thao, tham gia các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ Tổng công ty, trang bị báo chí để cập nhật thông tin, kiến thức...
- Do Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch tài chính năm 2016, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết 005/NQ-HĐQT ngày 22/3/2016 về việc bổ sung tháng lương 13 cho người lao động, nâng thu nhập của người lao động năm 2016 là 12,02 triệu đồng/người/tháng,

▪ **Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng:**

Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm làm thay đổi và nâng cao hình ảnh, uy tín công ty đối với khách hàng, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao vai trò trách nhiệm của cán bộ, công nhân lao động, hướng đến mục tiêu phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành một số quy trình như: quy trình phối hợp giữa các phòng, ban, đội trong công tác sửa bể, quy trình phối hợp thực hiện công tác lắp đặt đồng hồ nước, quy chế nâng bậc lương, nội quy lao động.
- Thực hiện mua sắm thêm trang thiết bị phục vụ công tác giảm nước thất thoát thất thu, trang bị các datalogger sofred để truyền dẫn dữ liệu, trang bị bộ tiền định vị để phân vùng rò rỉ, mua sắm các thiết bị khuếch đại âm thanh phục vụ công tác dò bể ngầm, trang bị máy phát điện công suất lớn, scan hồ sơ gốc để lưu trữ dữ liệu khách hàng, scan công văn tài liệu phục vụ công tác văn thư lưu trữ ...
- Khâu dịch vụ khách hàng cũng đã được cải tiến đáng kể thông qua việc liên kết với nhiều ngân hàng, mở thêm các dịch vụ tiện ích thanh toán tiền nước, các dịch vụ thu hộ tiền nước qua các kênh ngân hàng và các cửa hàng tiện lợi. Đến nay, khách hàng có thể thanh toán tiền nước tại nhiều nơi như: thanh toán qua ngân hàng ( Đông Á, Agribank,

Eximbank...); qua Payoo (Satrafood, Maximark, Citimark, Điện máy Nguyễn Kim, Thế giới di động...), thanh toán online (paybill.com.vn)..., giúp khách hàng có thể chọn lựa kênh thanh toán, hình thức thanh toán tiền nước phù hợp hơn với điều kiện sống của gia đình, giảm thiểu việc đi lại, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí đối với khách hàng.

- Thực hiện cập nhật phần mềm quản lý kế toán mới Fast Business online để nâng cao hiệu quả trong công tác kế toán.
- Phối hợp với Trung tâm công nghệ thông tin địa lý xây dựng phần mềm GIS để ứng dụng vào công tác quản lý mạng, đến nay công tác thiết kế đã hoàn tất và đang trong giai đoạn chuyển giao công nghệ.

#### ▪ **Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng lãng phí:**

Hưởng ứng cuộc vận động “Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, Công ty chú trọng công tác thực hành tiết kiệm và vận động cán bộ, công nhân lao động tiết kiệm trong mua sắm vật tư, tài sản công, tiết kiệm trong xây dựng cơ bản, tiết kiệm sử dụng văn phòng phẩm, sử dụng điện thoại, sử dụng và bố trí lao động hợp lý.

#### ▪ **Công tác hành chính-quản trị:**

- Công tác văn thư, lưu trữ thực hiện theo quy định.
- Quan tâm và cải thiện điều kiện làm việc, chú trọng công tác vệ sinh công sở, tạo điều kiện làm việc tốt nhất để CB.CNLD yên tâm công tác như sửa chữa, trang bị thêm tiện nghi nhà vệ sinh, gắn thêm quạt hút, máy điều hòa nhiệt độ tại các phòng làm việc, phòng lưu trữ hồ sơ, phòng trực sửa bể, tận dụng bố trí mặt bằng làm nơi tập kết vật tư phục vụ công tác TCTB, KHVT...
- Chú trọng việc đảm bảo an ninh trật tự và an toàn phòng chống cháy nổ, trang bị thêm xe đẩy chữa cháy, thường xuyên kiểm tra dụng cụ, phương tiện chữa cháy, kiểm định an toàn hệ thống chống sét, nạp bình chữa cháy theo quy định.
- Tổ chức thành công hội nghị Người lao động, Đại hội cổ đông, Đối thoại định kỳ.
- Phối hợp tốt với lực lượng bảo vệ chuyên trách và Công an Phường, hỗ trợ Phường trong việc lắp đặt camera an ninh trên tuyến đường Thống Nhất, giữ gìn an ninh trật tự trong nội bộ Công ty và trên địa bàn nơi Công ty đặt trụ sở.

#### **k. Những tiến bộ đã đạt được:**

Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.

Công ty đã không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNLD. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc

thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

## II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 2.1 Danh sách và lý lịch Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Trình độ	Năm sinh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Nguyễn Hoài Nam	CT.HĐQT	Kỹ sư cầu đường; Kỹ sư Cấp thoát nước	1973	18/9 đường 8, phường Linh Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp.HCM	12,75% <i>Người đại diện vốn góp của TCty Cấp nước Sài Gòn</i>
Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT – Giám đốc	Kỹ sư Cơ khí; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.	1970	20 đường 13, phường Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp.HCM	12,75% <i>Người đại diện vốn góp của TCty Cấp nước Sài Gòn</i>
Lâm Tứ Duy	TV.HĐQT – PGĐ.KD	Cử nhân kinh tế; Thạc sỹ kỹ thuật.	1977	10/3 Nguyễn Ảnh Thủ, Trung Chánh, Hóc Môn, Tp.HCM	12,75% <i>Người đại diện vốn góp của TCty Cấp nước Sài Gòn</i>
Nguyễn Công Minh	PGĐ.KT	Kỹ sư Xây dựng; Kỹ sư Cấp thoát nước	1973	56 đường 39, KP5, P. Bình Trưng Tây, Q2,	0,01%
Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	Cử nhân kinh tế	1970	105/11 đường 8, KP3, P. Linh Trung, quận Thủ Đức, HCM	0%

### 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

### 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

#### 2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số cán bộ, nhân viên: 361 người

Stt	Nội dung	Số lượng người	Tỷ lệ %
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trên đại học	04	1
2	Đại học và Cao đẳng	127	35
3	Trung cấp	54	15

Stt	Nội dung	Số lượng người	Tỷ lệ %
4	Công nhân kỹ thuật	78	22
5	Lao động phổ thông	98	27
<b>II Theo loại hợp đồng lao động</b>			
1	Không xác định thời hạn	314	88
2	Thời hạn 1 – 3 năm	47	12
<b>III Theo giới tính</b>			
1	Nam	282	78
2	Nữ	79	22

### 2.3.2 Chính sách đối với người lao động.

#### a. Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Trên cơ sở chế độ chung, công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần. Tuy nhiên, khi có yêu cầu đáp ứng tiến độ các công trình, công nhân sẽ làm thêm giờ và công ty có chính sách đảm bảo quyền lợi, cũng như đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động, đồng thời tuân thủ các quy định của Luật lao động.

Nghỉ Lễ, Tết, phép: Toàn thể CBCNV của Công ty được nghỉ Lễ, Tết và phép theo đúng Quy định của Luật lao động.

Điều kiện làm việc: Đối với lao động gián tiếp, công ty cố gắng cải tạo các phòng làm việc một cách khoa học; đối với lao động trực tiếp, công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ, tuân thủ các quy chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động, sản xuất.

#### b. Chính sách đào tạo:

Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất, công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao tay nghề, nghiệp vụ công tác và năng suất làm việc của người lao động để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ chính trị của Công ty.

Đối với bộ phận lao động trực tiếp, Công ty tạo điều kiện để giới thiệu tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn như thi nâng bậc, đào tạo nâng cao tay nghề... qua các khóa học ngắn hạn. Việc tổ chức đăng ký dự thi tay nghề được thực hiện đúng trường hợp, đúng thời hạn.

Đã có 204 CB.CNLD được đào tạo thi tay nghề và nâng bậc các công tác: tu bổ, quản lý mạng lưới, đọc số, thu tiền, kiểm tra, kinh doanh... và tham dự các khóa huấn luyện, đào tạo nghiệp vụ ngắn hạn.

#### c. Chính sách lương, thưởng:

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề, cố gắng tối đa để đảm bảo giải quyết cho người lao động hưởng mức lương tương xứng với năng lực đóng góp, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của mỗi người, cùng các chế độ quy định của Nhà nước.

Ngoài việc trả lương hàng tháng cho người lao động, vào các dịp phát động phong trào thi đua, lễ, tết, công ty đều xếp loại lao động dựa theo các chỉ tiêu năng suất để khen thưởng theo kết quả công việc; thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

#### d. Chính sách phúc lợi và chăm sóc người lao động:

Chăm lo đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo Công ty để người lao động yên tâm, gắn bó với công việc, phục vụ tốt công tác. Trong năm 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm nhân thọ, và được khám sức khỏe định kỳ hàng năm.

Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.

Tổ chức phát quà cho các cháu học sinh giỏi, và trao 05 suất học bổng Nguyễn Đức Cảnh cho con em CB.CNLD có hoàn cảnh khó khăn nhưng hiếu học, tổ chức vui Tết thiếu nhi cho con em người lao động.

Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động thông qua các hoạt động Hội thao, các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ...

### III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

#### 3.1 Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2016, Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã triển khai thực hiện nhiều dự án phát triển mạng lưới cấp nước và sửa chữa ống mục, trong đó một số dự án có vốn đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên gồm:

Stt	Tên công trình	Quy mô (mét ống)	Vốn đầu tư (tỷ đồng)
1	SCOM các hẻm P.Linh Đông, Tam Bình, Tam Phú	7.125	10,77
2	SCOM các hẻm phường Phước Bình, Phước Long B, Long Trường quận 9	5.347	10,85
3	Phân vùng tách mạng khu vực quận 9	14 ĐHT	7,48
4	SCOM khu vực quận 2	4.925	7,48
5	SCOM Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Chánh	1.691	5,73
6	SCOM phường Hiệp Bình Chánh	3.109	7,28
7	PTMLCN các hẻm khu vực quận 2, quận 9	9.618	11,50

### 3.2 Các công ty con, công ty liên kết: không có

## IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	385.132.401.023	366.162.765.333	-18.969.635.690
Doanh thu thuần	529.099.706.126	608.922.852.486	+79.823.146.360
LN từ hoạt động kinh doanh	9.215.721.567	1.335.253.088	-7.880.468.479
Lợi nhuận khác	23.506.897.872	16.779.907.020	-6.726.990.852
Lợi nhuận trước thuế	32.722.619.439	18.115.160.108	-14.607.459.331
Lợi nhuận sau thuế	25.892.661.178	14.629.228.576	-11.263.432.602
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/LNPP	48,57%	39,45%	

Tổng tỷ lệ cổ tức năm 2016 là 26%, trong đó Công ty đã tạm ứng cổ tức đợt 1 là 19% tương ứng với số tiền 16.150.000.000 đồng. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức còn lại năm 2016 là 7% sẽ được trình ĐHCĐ vào ngày 19/4/2016.

### 4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Nội dung	Đvt	Kỳ trước (2015)	Kỳ báo cáo (2016)
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>	Lần		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)		1,08	0,59
	Hệ số thanh toán nhanh		1,02	0,49
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>	Lần		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản		0,59	0,64
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu		1,42	1,77
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>	Lần		
	Vòng quay hàng tồn kho		33,97	39,99
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản		1,37	1,66
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>	%		
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		4,89	2,40
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		16,29	11,07
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		6,72	4,00
	Hs Lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần		1,74	0,22

## V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### 5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 8.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: Phổ thông

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: không.

## 5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 01/12/2016 (theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/12/2016 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp).

Stt	Cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu %
1	Cổ đông nhà nước	4.335.000	51,00
2	Cổ đông sáng lập	-	-
	<i>Trong nước</i>	-	-
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
3	Cổ đông lớn		
	<i>Trong nước</i>	3.754.720	44,17
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
4	Công đoàn công ty	-	-
	<i>Trong nước</i>	-	-
	<i>Nước ngoài</i>	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-
7	Cổ đông khác	410.280	4,83
	<i>Trong nước</i>	203.790	2,40
	<i>Nước ngoài</i>	206.490	2,43

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có.

5.6 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn: Không có

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ cung cấp nước sạch cho nhân dân trên địa bàn do Công ty quản lý. Nguồn nước cung cấp chính được lấy từ Nhà máy nước Thủ Đức là nhà máy có công suất lớn nhất khu vực miền Nam. Chất lượng nước cung cấp (chỉ tiêu hóa – lý) luôn tuân thủ các quy định do Nhà nước ban hành.

Trong công tác phát triển mạng lưới cấp nước, sửa chữa ống mục, Công ty đều yêu cầu đơn vị thi công phải xây dựng biện pháp bảo vệ môi trường, bảo vệ các công trình lân cận; và phải có biện pháp thi công phù hợp không gây ùn tắc giao thông.



### 6.1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:  
Không có
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

### 6.2. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.
  - Số lượng lao động: 361 người
  - Mức lương trung bình: 12,02 triệu đồng/tháng
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.
  - Đảm bảo thời giờ làm việc của người lao động theo quy định của Luật Lao động.
  - Toàn thể người lao động đều được ký hợp đồng lao động và được hưởng đầy đủ chế độ theo quy định để người lao động hoàn toàn yên tâm, gắn bó với công ty. Có 100% CB.CNLD được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và đảm bảo khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động với mức phí là 12 triệu đồng/hồ sơ.
  - Thực hiện trang bị đồng phục và trang bị bảo hộ lao động, trang bị phương tiện làm việc cho người lao động.
  - Tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bố trí sắp xếp phòng nghỉ cho cán bộ, công nhân lao động trực sửa bể đêm.
  - Tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích cho người lao động nhằm tái tạo sức lao động, tăng cường thể lực, sức khỏe để cống hiến, phục vụ công tác tốt hơn như tổ chức Hội thao, tham gia các cuộc thi văn nghệ, viết bản tin nội bộ Tổng Công ty, trang bị báo chí để cập nhật thông tin, kiến thức...
- c. Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2016, Công ty đã tổ chức cho 204 người lao động tham gia nâng cao tay nghề; và tham gia các lớp tập huấn chuyên đề về đầu tư xây dựng, về công tác kế toán tài chính...

### 6.3. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Nhu cầu sử dụng nước sạch là nhu cầu thiết yếu, do đó để tạo điều kiện cho 100% hộ dân được cấp nước sạch, góp phần phục vụ an sinh xã hội, Công ty đã sử dụng nguồn vốn của công ty để gắn đồng hồ nước cho khách hàng.
- Ngoài ra, Công ty đã tích cực phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ chuyên trách và Công an Phường Bình Thọ trong việc lắp đặt camera an ninh trên tuyến đường Thống Nhất nhằm góp phần giữ gìn an ninh trật tự trong nội bộ Công ty và trên địa bàn nơi Công ty đặt trụ sở.

Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng đến các công tác xã hội, trong năm qua Công đã thực hiện các công tác sau:

- Nuôi dưỡng thương binh có hoàn cảnh khó khăn tại Bình Dương;
- Nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng ngụ tại phường Phước Long B, quận 9;
- Gắn trụ nước uống tại vòi tại trường tiểu học Trương Văn Hải, phường Tam Phú, Q9;
- Thăm và tặng quà cho Trung tâm bảo trợ người già tại phường Tam Phú, quận Thủ Đức;
- Đóng góp 02 ngày lương ủng hộ bộ đội Trường Sa (vào tháng 04, 09/2016);
- Xây nhà tình nghĩa cho 02 gia đình liệt sĩ tại Giồng Trôm, Bến Tre;
- Đóng góp, hỗ trợ cho 04 trường hợp bị bệnh hiểm nghèo tại các đơn vị bạn.

## PHẦN III BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

### I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

#### 1.1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch tại các chỉ tiêu chủ yếu, đạt được thành tích trên là nhờ sự nỗ lực phấn đấu và tinh thần trách nhiệm của tập thể CB.CNLD. Một số chỉ tiêu đạt được như sau:

- Sản lượng nước cung cấp: 65.714.345 m<sup>3</sup>, đạt 104,31%
- Doanh thu tiền nước: 598.954.902.670 đồng, đạt 105,47%.
- Thay đồng hồ nước: 21.011 cái, đạt 105,32 %.
- Gắn mới đồng hồ nước: 14.556 đồng hồ, đạt 242,60%.
- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch: 100%.
- Tỷ lệ thất thoát nước: 19,79%.
- Phát triển mạng lưới cấp nước: 24.299 mét, đạt 102,73%.
- Sửa chữa ống mục: 35.894 mét, đạt 90,90%.

Công ty triển khai thực hiện tốt công tác phát triển mạng lưới cấp nước, tạo điều kiện thuận lợi nhanh chóng gắn đồng hồ nước cho khách hàng do đó các chỉ tiêu gắn đồng hồ nước, sản lượng và doanh thu hoàn thành vượt mức kế hoạch.

Bên cạnh đó, việc triển khai thực hiện chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Mặc dù gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, nhưng công ty đã có nhiều giải pháp để thực hiện cấp nước thông qua các công trình phát triển mạng lưới cấp nước, cấp nước bằng xe bồn và lắp đặt đồng hồ tổng tại các khu vực chưa thể lắp đặt tuyến ống cấp nước.

Về việc triển khai thực hiện công trình sửa chữa ống mục, do gặp khó khăn trong công tác thỏa thuận tuyến nên năm 2016 chỉ đạt 90,90% so với kế hoạch được giao.

Trong công tác giảm nước thất thoát, thất thu, Công ty đã có nhiều giải pháp đồng bộ như: Tập trung phân vùng tách mạng; Điều chỉnh áp lực; Tăng cường công tác dò bể, sửa bể; Thay đổi phương pháp dò bể và đảm bảo sửa bể kịp thời, đúng kỹ thuật ...

Mặc dù đã thực hiện nhiều giải pháp chống thất thoát nước, nhưng kết quả thực hiện đạt 19,79% chưa hoàn thành kế hoạch (19%). Nguyên nhân do:

- Một số đồng hồ tổng (ĐHT) có sản lượng tiêu thụ tăng giảm bất thường, dẫn đến sản lượng mua bán sỉ của Công ty tăng đột biến. Do đó, mặc dù công tác GNTTTT có hiệu quả nhưng lượng nước thất thoát giảm được lại không ổn định. (đến quý 3 và 4 năm 2016 thì tình hình này đã được cải thiện).

- Một số ĐHT mua bán sỉ và Datalogger thường xuyên xảy ra sự cố dẫn đến phải tính sản lượng tiêu thụ trung bình trong thời gian dài. (tiêu biểu như các ĐHT RMK, ĐHT Nguyễn Xiển).
- Một số ĐHT mua bán sỉ hiệu AQUAMASTER của hãng ABB có bộ hiển thị thường xuyên bị lỗi (đến quý 4 năm 2016 các ĐHT có bộ hiển thị bị lỗi mất net đã được khắc phục, tuy nhiên hiện còn có 02ĐHT/ 11ĐHT hiệu này đang bị báo lỗi sensor), điều này ảnh hưởng tới quá trình đọc số để xác định chính xác sản lượng tiêu thụ qua ĐHT.
- Ảnh hưởng của công tác súc xả, điều tiết mạng lưới, điều tiết áp lực tại nhà máy nước nhằm tiếp nước Nhà máy nước Thủ Đức 3 và xử lý các sự cố trên mạng lưới cấp nước do Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch quản lý (tập trung tại các Phường: Hiệp Bình Chánh, Hiệp Bình Phước, Linh Đông, Bình Chiểu - Quận Thủ Đức và An Phú, Bình An - Quận 2) làm xáo trộn thủy lực nước trên địa bàn Công ty dẫn đến tăng đột biến số lượng điểm bể và xuất hiện nước đục tại nhiều khu vực (tập trung chủ yếu vào Quý 2 và Quý 3 năm 2016). Mặc dù Công ty CPCN Thủ Đức đã thực hiện các công tác súc xả, sửa bể và điều tiết áp lực xử lý sự cố kịp thời, nhưng vẫn không kéo giảm ổn định được lượng nước thất thoát, làm ảnh hưởng tới tỷ lệ TTN toàn công ty.
- Tỷ lệ thất thoát nước toàn công ty đang có xu hướng giảm ổn định trong quý 4 năm 2016, tuy nhiên việc thực hiện mô hình “Ghi-Thu đồng hồ nước” trong kỳ 12/2016 dẫn đến thay đổi lịch đọc số ĐHN khách hàng và không tính toán chính xác được tỷ lệ TTN trong kỳ này, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới việc kéo giảm tỷ lệ TTN năm 2016.

## 1.2. Những tiến bộ đã đạt được

- Hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, gắn đồng hồ nước;
- Hoàn thành tốt chỉ tiêu 100% hộ dân được cấp nước sạch, nước hợp vệ sinh.
- Triển khai nhiều giải pháp đồng bộ trong công tác giảm nước thất thoát.
- Trước áp lực của xã hội về sản phẩm thiết yếu phục vụ cuộc sống, sự đòi hỏi của khách hàng ngày càng cao về chất lượng sản phẩm phục vụ. Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã có nhiều cách làm đột phá để đạt được các chỉ tiêu đề ra, cân đối hài hoà giữa hiệu quả hoạt động kinh doanh và chức năng phục vụ xã hội.
- Không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ xã hội cũng là nhiệm vụ chính trị là nâng cao tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý. Doanh thu các năm sau đều tăng so với năm trước, qua đó tạo điều kiện tăng thu nhập, góp phần nâng cao đời sống CB.CNLD. Trang thiết bị kỹ thuật được cải tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý mạng lưới cấp nước; có động thái tích cực, hiệu quả trong việc giảm tỷ lệ nước thất thoát thất thu. Bên cạnh việc thường xuyên kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty đã đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giải quyết nhanh chóng mọi yêu cầu của khách hàng...

## II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### 2.1 Tình hình tài sản

- Tổng tài sản: 366.162.765.333 đồng, trong đó:
- Tài sản ngắn hạn: 77.626.929.513 đồng, giảm 46,43% so với năm 2015
- Tài sản dài hạn: 288.535.835.820 đồng, tăng 20,11% so với năm 2015
- Tổng tài sản trung bình: 375.647.583.178 đồng, giảm 0,07% so với năm 2015.
- Thu nhập trước thuế và lãi vay:  $18.115.160.108 + 5.753.288.487 = 23.868.448.595$  đ
- Doanh thu thuần: 608.922.852.486 đồng.

- Tỷ suất sinh lợi trên tài sản (ROA)

$ROA = \text{Thu nhập trước thuế và lãi vay} / \text{tổng tài sản trung bình}$

$ROA (\text{năm nay}) = (23.868.448.595 / 375.647.583.178) \times 100 = 6,35\%$ .

- Vòng quay tổng tài sản.

$\text{Vòng quay tổng tài sản} = \text{Doanh thu thuần} / \text{tổng tài sản trung bình}$

$\text{Năm nay} = 608.922.852.486 / 375.647.583.178 = 1,62 \text{ lần}$

### 2.2 Tình hình nợ phải trả

- Tổng nợ phải trả: 234.013.775.661 đồng.
- Tổng nguồn vốn: 366.162.765.333 đồng.

$\text{Tỷ số nợ phải trả trên tổng vốn} = \text{Tổng nợ} / \text{Tổng nguồn vốn.}$

$\text{Tỷ số nợ phải trả năm nay} = 234.013.775.661 / 366.162.765.333 = 63,91\%$

$\text{Tỷ số nợ trên vốn cổ phần} = \text{Tổng nợ} / \text{Tổng vốn cổ phần}$

$= 234.013.775.661 / 85.000.000.000 = 2,75 \text{ lần.}$

### 2.3 Quản lý rủi ro tài chính

#### 2.3.1 Rủi ro thị trường:

Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý kiểm soát rủi ro tiền tệ, lãi suất, giá cả mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự thay đổi của giá cả thị trường do: Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh nước sạch, chi phí hoạt động chủ yếu từ giá mua bán sỉ nước sạch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn; Không có rủi ro lãi suất do Công ty vay dài hạn từ Tổng công ty theo các hợp đồng vay có thời hạn 10 năm với lãi suất cố định; và các giao dịch mua bán của Công ty không liên quan đến ngoại tệ.

Ngoài ra, Công ty còn vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi cộng biên độ 1,4%.

### 2.3.2 Rủi ro tín dụng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khoản phải thu khách hàng.

### 2.3.3 Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo duy trì mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay để đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Với kết quả thực hiện theo Báo cáo tài chính, Ban điều hành đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, công ty có thể tạo ra nguồn tiền đủ để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

## III. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm nâng cao uy tín và hình ảnh của công ty.
- Cải tiến quy trình, thủ tục gắn đồng hồ nước giúp đáp ứng nhanh nhu cầu sử dụng nước của khách hàng và nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Điều chỉnh và bổ sung các quy trình như: Quy trình phối hợp giữa các phòng ban, quy trình lắp đặt đồng hồ nước, quy chế nâng bậc lương, nội quy lao động đã góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý;
- Triển khai thực hiện công tác số hóa dữ liệu lưu trữ, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác truy xuất thông tin hồ sơ cấp nước khách hàng;
- Cải tiến khâu dịch vụ khách hàng thông qua việc liên kết với nhiều ngân hàng, mở thêm các dịch vụ tiện ích thanh toán tiền nước, các dịch vụ thu hộ tiền nước như Payoo, Momo, giúp khách hàng chủ động chọn kênh thanh toán tiền nước phù hợp để tiết kiệm thời gian, tiết kiệm chi phí.

## IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2017

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức ngoài việc kinh doanh mang lại hiệu quả cho Công ty còn phải thực hiện nhiệm vụ chính trị là cung cấp nước sạch, góp phần cải thiện đời sống an sinh xã hội cho nhân dân.

Căn cứ tình hình thực tế và kết quả đạt được trong năm 2016, Công ty định hướng kế hoạch SXKD năm 2016 như sau:

### 4.1 Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2017

- Gia tăng sản lượng nước tiêu thụ.
- Bảo toàn, sử dụng hiệu quả đồng vốn của Công ty.
- Duy trì hoạt động kinh doanh có lãi, đảm bảo thu nhập và chăm lo đời sống tinh thần của CBCNLD.
- Đảm bảo chất lượng nước sạch cho nhu cầu sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ theo các tiêu chuẩn quy định của nhà nước. Giữ vững chỉ tiêu 100% tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.
- Tỷ lệ thất thoát nước: 17%.
- Từng bước áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước, nâng cao hiệu suất công tác ghi đọc chỉ số và từng bước nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

#### 4.2 Chỉ tiêu kế hoạch SXKD

Stt	Nội dung	Đvt	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017
1	Nước tiêu thụ	1.000 m <sup>3</sup>	65.714	71.134
2	Doanh thu tiền nước	triệu đồng	598.955	648.386
3	Gắn mới đồng hồ nước	cái	14.556	6.000
4	Thay đồng hồ nước cỡ nhỏ	cái	21.011	34.300
5	Thay đồng hồ nước cỡ lớn	cái	115	63
6	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	%	100,00	100,00
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	19,79	17,00
8	Tỷ lệ thực thu	%	98,48	100,00

Về kế hoạch tài chính năm 2017. Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty đang cân đối đề trình HĐQT, do đó các chỉ tiêu này chưa thể hiện số liệu.

#### 4.3 Biện pháp thực hiện

Để hoàn thành kế hoạch năm 2017, Công ty tập trung vào các nội dung sau:

- Giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Tiết kiệm, giảm chi phí (sử dụng đồng hồ nước tân trang để thay định kỳ, sử dụng nhân công hiện có để gắn mới đồng hồ nước);
  - Công tác tổ chức bộ máy và cải tiến thủ tục hành chính:
- Đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ công nhân lao động, làm cơ sở cho việc định hướng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của đơn vị.
- Tiếp tục hoàn thiện phương án khoán lương cho các phòng, ban, đội.
- Cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; xây dựng và thực hiện quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng “một cửa một dấu”, tránh phiền hà cho người dân, nâng cao trách nhiệm và tinh thần phục vụ của bộ phận dịch vụ khách hàng.

- Thực hiện tiếp khách hàng lịch sự, văn minh nơi công sở. Triển khai đến từng CBCNLD tiêu chuẩn người công nhân cấp nước.
- Rà soát, xây dựng lại các quy định gắn mới đồng hồ, tái lập danh bộ, xử lý nợ tiền nước, gian lận, sử dụng nước bất hợp pháp... để giải quyết công việc một cách nhanh chóng, công bằng, khách quan, tránh tình trạng tiêu cực, móc ngoặc với khách hàng.
- Tiếp tục duy trì trang thông tin điện tử với địa chỉ truy cập là <http://capnuocthuduc.vn> tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể tìm hiểu thông tin, trao đổi về các dịch vụ cung cấp của công ty.

- Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng :

- Hoàn thiện quy trình gắn đồng hồ nước, thường xuyên kiểm tra việc thực hiện quy trình phối hợp thực hiện công tác lắp đặt đồng hồ nước cho khách hàng, giải quyết khiếu nại của khách hàng.
- Tuyên truyền giáo dục cán bộ công nhân viên nêu cao tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, phục vụ khách hàng.
- Phối hợp cùng chính quyền địa phương giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về cấp nước của nhân dân.
- Xây dựng quy trình một cách khoa học trong việc giải quyết yêu cầu, đề nghị của khách hàng, tuyệt đối tránh để tồn đọng hồ sơ. Từng phòng, ban, đội xây dựng quy trình làm việc, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

- Tăng sản lượng nước tiêu thụ:

Trong năm 2017 Công ty sẽ phải tiếp tục nỗ lực nhiều hơn nữa trong việc thực hiện chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ. Cụ thể:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, tiếp tục triển khai công tác chống gian lận nước. Triệt để giải quyết các hóa đơn bằng không; hóa đơn tính trung bình nhiều kỳ. Bộ phận đọc chỉ số đồng hồ nước phải có biện pháp để tiếp cận đồng hồ nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra các đồng hồ nước có chỉ số tiêu thụ bất thường.

- Nâng cao chất lượng mạng lưới cấp nước:

- Tăng cường công tác giám sát thi công, giám sát tái lập mặt đường các công trình phát triển và cải tạo ống mục trên địa bàn quản lý, nhằm đảm bảo công trình thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt. Nghiêm túc thực hiện các quy định về quản lý, giám sát các hạng mục khuất lấp, các điểm đầu nối, phối hợp tốt với chính quyền và nhân dân tăng cường công tác giám sát cộng đồng.
- Giám sát chặt chẽ công tác vệ sinh đường ống trong quá trình thi công lắp đặt các tuyến ống cấp nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra và bảo trì các trụ cứu hỏa, họng coi van, ổ khóa trên địa bàn.



- Tăng cường công tác quản lý lý lịch đồng hồ nước để có thể thay đồng hồ nước định kỳ đến hạn thay thế.
- Tập trung thay đồng hồ nước hư, ngưng chạy, chạy bất thường ...
  - Chống thất thoát nước:
    - Tiếp tục nghiên cứu triển khai phương án “Vùng GNTTTT có Caretaker quản lý, chưa cần cô lập mạng.
    - Đẩy mạnh công tác thiết kế và triển khai phân vùng tách mạng tại các khu vực trọng điểm.
    - Đẩy mạnh công tác dò tìm rò rỉ, chủ động phân loại điểm bể ngầm theo thứ tự ưu tiên sửa bể, lên kế hoạch tiền định vị và thử nghiệm các thiết bị mới.
    - Tiếp tục thực hiện SCADA với thiết bị lưu trữ, truyền dữ liệu (Data Logger Sofrel) tại các ĐHT: thuộc các DMA đã phân vùng tách mạng.
    - Tăng cường quản lý, điều tiết áp lực đặc biệt tại các khu vực có áp lực cao; Tiếp tục hoàn chỉnh bản đồ áp lực và mô hình áp lực; Thực hiện vận hành mạng vòng như mạng cụt tại các khu vực đang tìm hãm tỷ lệ thất thoát nước.
    - Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước tiêu thụ của khách hàng.
  - Công tác kiểm tra:
 

Chủ động kiểm tra rà soát sản lượng, giá biểu, định mức ngay từ khâu nhận hồ sơ khách hàng đến khâu hoàn công...; kiểm tra tình trạng sử dụng nước của khách hàng, tình trạng gian lận nước để xử lý kịp thời trên diện rộng, đồng thời kết hợp với chính quyền địa phương và quần chúng nhân dân phát hiện gian lận nước, áp dụng quy chế thưởng hợp lý cho người có công phát hiện gian lận.
  - Phát triển mạng cấp nước, SCOM, gắn và thay đồng hồ nước khách hàng :
    - Chủ động cân đối nguồn vốn thực hiện dự án phát triển mạng lưới cấp nước; Đảm bảo giải quyết 100% các hộ dân được gắn đồng hồ nước ở các khu vực đã có mạng lưới cấp nước.
    - Tập trung làm tốt và làm nhanh các hồ sơ dự án ở khâu chuẩn bị đầu tư như (báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo khảo sát thiết kế, lập dự toán thi công...) để chuyển nhanh sang bước thực hiện đầu tư.
    - Tăng cường công tác phối hợp giữa các Phòng, Ban, Đội liên quan để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án.
    - Chủ động mua sắm vật tư, trang thiết bị ngay trong quý I để có cơ sở hoàn thành kế hoạch của Công ty
    - Tăng cường công tác giám sát thi công, kiểm tra chất lượng vật tư trước khi thi công, công tác hậu kiểm để đảm bảo chất lượng thi công công trình.
    - Tập trung thực hiện các dự án sửa chữa ống mục đã được duyệt.

- Thống kê các khu vực đường ống có tuổi thọ lâu năm, xì bở nhiều lần để đưa vào kế hoạch cải tạo, thay mới.
- Công tác quản lý tài chính, quản lý vật tư tài sản, máy móc thiết bị :
  - Tổ chức thực hiện quy trình quản lý tài chính, vật tư theo đúng quy định.
  - Triển khai kịp thời công tác đấu thầu dự án mua sắm vật tư theo đúng quy định, đảm bảo tính công bằng, lựa chọn nhà thầu có năng lực.
  - Cân đối sử dụng hợp lý và quản lý chặt chẽ nguồn vốn.
  - Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo đúng quy định của Nhà nước.
- Chống lãng phí và thực hành tiết kiệm :
  - Thực hiện chủ trương của nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, góp phần ổn định hoạt động của đơn vị, công tác chống lãng phí là rất thiết thực và cấp bách, đòi hỏi mỗi cán bộ công nhân lao động phải nâng cao ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, đây cũng là tiêu chí hàng đầu mà đơn vị đặt ra ngang tầm với chiến lược kinh doanh của đơn vị, các nội dung chính cần thực hành tiết kiệm là:
    - Tiết kiệm trong quản lý, sử dụng tài sản.
    - Tiết kiệm trong quản lý đầu tư, mua sắm và sử dụng vật tư, máy móc thiết bị.
    - Tiết kiệm trong lĩnh vực cải cách hành chính, điện thoại, điện, nước.
    - Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tự kiểm tra, công khai dân chủ.
    - Phát hiện và xử lý nghiêm khắc các trường hợp vi phạm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của cán bộ công nhân lao động.
- Công tác thi đua, đời sống:
  - Công đoàn, Đoàn thanh niên cùng chủ động phối hợp phát động phong trào thi đua hoàn thành các chỉ tiêu đề ra, đồng thời hưởng ứng các đợt thi đua do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức phát động.
  - Duy trì các hoạt động thực hiện nếp sống văn minh đô thị, văn minh trong công sở, chống ô nhiễm môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi làm việc.
  - Thông qua phong trào thi đua, phát hiện các nhân tố tích cực để đào tạo bồi dưỡng giới thiệu cho các Chi bộ.
  - Cải thiện thu nhập cho cán bộ công nhân lao động.

## PHẦN IV ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 4.1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng với sự nỗ lực của tập thể CB.CNLD và sự chỉ đạo kịp thời của Ban điều hành, năm 2016 Công ty đã hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, đặc biệt là chỉ tiêu sản lượng nước cung cấp đạt 104,31%; doanh thu đạt 105,47%; gắn mới đồng hồ nước 242,60%; lợi nhuận trước thuế đạt 896,78%.

Trong công tác tài chính, Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật; đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển nguồn vốn;

Việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được thực hiện đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch, khách quan, phản ánh trung thực tình hình hoạt động của công ty;

Đánh giá được tầm quan trọng và hiệu quả của Chương trình giảm nước thất thoát thất thu, Công ty đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp phù hợp như: tập trung triển khai các dự án sửa chữa, nâng cấp mạng lưới cấp nước; kiểm soát các khu vực có đồng hồ nước tiểu vùng; tăng cường công tác dò tìm và sửa bể... đã làm giảm đáng kể lượng nước thất thoát thất thu tại những khu vực đã được phân vùng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình giảm nước thất thoát thất thu bền vững trong những năm tới;

Nhận thức được trách nhiệm và tầm quan trọng của đơn vị đối với xã hội, Công ty đã phát huy tối đa tính sáng tạo, xây dựng đơn vị cấp nước vững mạnh và vì cộng đồng. Chỉ đạo và giám sát thường xuyên công tác tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;

Về mặt kinh doanh, Công ty thực hiện đúng các quy định về cấp nước, mở thêm kênh thanh toán tiền nước thông qua việc liên kết với các ngân hàng và các dịch vụ thu hộ, tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng có thể thanh toán tiền nước mọi lúc, mọi nơi.

### 4.2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

Ban điều hành đã tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết; Quyết định của Hội đồng quản trị trong quá trình điều hành công ty;

Mặc dù trong năm 2016, Công ty gặp nhiều khó khăn về nguồn vốn, nhưng Ban điều hành đã kịp thời triển khai thực hiện các giải pháp tích cực nhằm hoàn thành kế hoạch đã đề ra, nhất là trong những tháng cuối năm Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước, góp phần giải quyết nhu cầu nước sạch của người dân trên địa bàn quản lý;

Duy trì chế độ họp nghiệp vụ định kỳ nghiêm túc và hiệu quả, thể hiện được vai trò chỉ huy và thống nhất trong Ban điều hành;

Thành viên Ban giám đốc am hiểu nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết, dám nghĩ dám làm và tạo được mối quan hệ tốt về nội bộ và đối ngoại, nhất là với cổ đông lớn;

Ban điều hành đã có những điều chỉnh, thay đổi kịp thời trong công tác tổ chức, cải tiến quy trình làm việc để hoàn thiện bộ máy sản xuất kinh doanh và quản lý công việc hiệu quả hơn.

#### **4.3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Công ty có nhiều lợi thế trong việc phục vụ cấp nước khách hàng, địa bàn phục vụ của công ty có vị trí gần Nhà máy nước Thủ Đức, do là khu vực đầu nguồn nên nguồn cung cấp ổn định, chất lượng nước luôn đạt tiêu chuẩn quy định. Đồng thời, hiện nay địa bàn quận 2, quận 9, quận Thủ Đức có tốc độ đô thị hóa rất cao, nhiều nhà máy, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu dân cư... được xây dựng, nhiều khu vực chưa có hệ thống cấp nước của thành phố Hồ Chí Minh, do đó nhu cầu sử dụng nước trong tương lai là rất lớn.

Dựa trên những ưu thế sẵn có, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2017.
- Bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn.
- Phát triển mạng lưới cấp nước nhằm gia tăng số lượng khách hàng sử dụng nước.
- Nâng cao các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu, tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch.
- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****1.1 Thành viên và cơ cấu**

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện số hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Nguyễn Hoài Nam	CT.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Chuyên trách
2	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm GĐ	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Điều hành
3	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Không điều hành
4	Lâm Tứ Duy	TV.HĐQT kiêm PGĐ	1.083.750	-	1.083.750	12,75	Điều hành.
5	Lục Chánh Trường	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành
6	Nguyễn Ngọc Thái Bình	TV.HĐQT	-	-	-	-	Không điều hành

**1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban. Tuy nhiên, tại Nghị quyết 06/NQ-HĐQT ngày 23/3/2015, HĐQT đã cử thành viên phụ trách các vấn đề Chính sách phát triển; Nhân sự; Lương – thưởng như sau:

- Ông Nguyễn Hoài Nam – Chủ tịch HĐQT: Phụ trách Chính sách phát triển
- Ông Huỳnh Tuấn Anh – TV.HĐQT: Phụ trách Lương – Thưởng; Nhân sự

**1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 phiên họp và ban hành 17 Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo kịp thời các vấn đề thuộc trách nhiệm của HĐQT, cụ thể như sau:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
1	003/NQ-HĐQT	15/01/2016	- Lấy ý kiến về quỹ lương thực hiện của Viên chức quản lý và thưởng tháng 13.
2	006/NQ-HĐQT	20/01/2016	- Lấy ý kiến về giá mua bán sỉ nước sạch 6 tháng cuối năm 2015
3	009/NQ-HĐQT	27/01/2016	- Kết quả tài chính thực hiện năm 2015.
4	011/NQ-HĐQT	09/3/2016	- Thông qua thời gian tổ chức ĐHCĐ
5	012/NQ-HĐQT	09/3/2016	- Báo cáo tài chính năm 2015 (kiểm toán).

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung thông qua
6	014/NQ-HĐQT	25/3/2016	- Kế hoạch tài chính 2016 - Quỹ lương 2016 - Chủ trương vay vốn để đầu tư các dự án - Tài liệu đại hội cổ đông
7	018/NQ-HĐQT	22/4/2016	- Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015
8	019/NQ-HĐQT	22/4/2016	- Điều chỉnh thời hạn bổ nhiệm GD, PGD, Kế toán trưởng
9	020/QĐ-HĐQT	22/4/2016	- Ban hành điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
10	023/NQ-HĐQT	05/7/2016	- Lựa chọn đơn vị kiểm toán
11	025/NQ-HĐQT	21/7/2016	- Chi trả cổ tức đợt 2 năm 2015
12	026/NQ-HĐQT	21/7/2016	- Thay đổi con dấu công ty
13	027/NQ-HĐQT	21/7/2016	- Thang, bảng lương mới
14	028/NQ-HĐQT	21/7/2016	- Báo cáo tài chính quý 2 - Vay vốn phát triển mạng lưới cấp nước. - Lắp đặt đồng hồ nước bên ngoài bất động sản của khách hàng.
15	031/NQ-HĐQT	23/9/2016	- Mô hình Ghi – thu; và Quản lý mạng lưới
16	033/NQ-HĐQT	02/11/2016	- Tạm ứng cổ tức năm 2016
17	034/NQ-HĐQT	02/11/2016	- Báo cáo tài chính quý 3

#### 1.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, và đóng góp ý kiến các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động Công ty.

#### 1.5 Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có.

#### 1.6 Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đạo tạo về quản trị công ty.

- Nguyễn Hoài Nam – Chủ tịch HĐQT.
- Huỳnh Tuấn Anh –Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc.
- Lâm Tứ Duy – Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc.

1.7 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

## II. BAN KIỂM SOÁT

### 2.1 Thành viên và cơ cấu

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	Cổ phần nắm giữ cá nhân	Tổng CP biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban	-	-	-	-
2	Hoàng Thanh Bình	Thành viên	-	-	-	-
3	Trần Luyện Như An	Thành viên	-	-	-	-
4	Lê Văn Diễn	Thành viên	-	-	-	-

### 2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng và nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh từng quý, báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính năm của công ty, đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; ...

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức 3 phiên họp để thảo luận các nội dung sau:

Stt	Biên bản họp	Ngày	Nội dung làm việc
1	01/BB-BKS	07/3/2016	- Báo cáo tài chính kiểm toán 2015.
2	02/BB-BKS	20/6/2016	- Đề xuất đơn vị kiểm toán BCTC 2016.
3	03/BB-BKS	29/7/2015	- Thẩm tra BCTC quý 3/2016. - Đóng góp ý kiến cho dự thảo kế hoạch 2017.

### III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

#### 3.1. Các khoản lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

S tt	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng vượt kế hoạch 2015 (BĐH)	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>						
1	Nguyễn Hoài Nam	CT.HĐQT	437.295.907	54.000.000	62.755.686	<i>Chuyên trách</i>
2	Huỳnh Tuấn Anh	TV.HĐQT kiêm GD	441.041.599	48.000.000	62.755.686	
3	Nguyễn Văn Dụ	TV.HĐQT		48.000.000	52.296.405	
4	Lâm Tứ Duy	TV.HĐQT kiêm PGĐ	380.978.038	48.000.000	52.296.405	
5	Lục Chánh Trường	TV		48.000.000	52.296.405	
6	Nguyễn Ngọc Thái Bình	TV		48.000.000	52.296.405	
7	Nguyễn Xuân Cầu	TV		48.000.000	15.253.118	<i>Miễn nhiệm ngày 17/4/2015</i>
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>						
1	Hoàng Ngọc Lâm	Tr. ban		48.000.000	41.837.124	
2	Hoàng Thanh Bình	TV	221.315.824	42.000.000	31.377.843	
3	Trần Luyện Như An	TV		42.000.000	31.377.843	
4	Lê Văn Diễn	TV		42.000.000	31.377.843	
<b>BAN ĐIỀU HÀNH</b>						
1	Nguyễn Công Minh	PGĐ	357.620.727		34.864.270	
2	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng	363.063.729		52.296.405	

#### 3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

#### 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.

Các hợp đồng giao dịch với Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV (cổ đông nắm giữ 51% cổ phần).



Stt	Số hợp đồng	Ngày	Nội dung	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	521/HĐ-TCT-KDDVKH	29/01/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 1 - 2	73.681.828.740
2	1551/HĐ-TCT-KDDVKH	31/3/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 3 - 4	73.973.441.135
3	2484/HĐ-TCT-KDDVKH	31/5/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 5 - 6	76.533.236.068
4	3918/HĐ-TCT-KDDVKH	15/7/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 7 - 8	72.726.967.147
5	5577/HĐ-TCT-KDDVKH	20/9/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 9 - 10	74.619.948.273
6	6933/HĐ-TCT-KDDVKH	22/11/2016	Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch kỳ 11 - 12	74.064.401.928
7	3468/HĐ-TCT-KTTC	28/6/2016	Thuê tài sản hoạt động năm 2016	11.681.480.141
8	7768/HĐ-TCT-KTTC	28/12/2016	Nhượng bán tài sản	11.173.912.262
9	7860/HĐ-TCT-KTTC	30/12/2016	Giảm giá thuê tài sản quý 4/2016	- 869.734.614
10	7909/HĐ-TCT-KTTC	30/12/2016	Thuê tài sản hoạt động năm 2016	283.216.110
<b>Tổng cộng</b>				<b>467.868.697.190</b>

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

## 1. Ý kiến kiểm toán:

### Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán Kiểm toán AFC Việt Nam về BCTC của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức năm 2016:

(trích Báo cáo kiểm toán độc lập số 137/2017/BCKT-HCM 00625 ngày 13/3/2017)

#### ▪ Trách nhiệm của Ban giám đốc.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ▪ Trách nhiệm của Kiểm toán viên.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự bảo đảm hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm toán nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### ▪ Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình Báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2016 Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Chi tiết được thể hiện tại Báo cáo tài chính đính kèm.

### *Nơi nhận:*

- UBCKNN;
- SGDCK Tp.HCM;
- HDQT; BKS;
- BGĐ;
- Lưu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 40



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC  
Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

## 1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức ("Công ty") là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304803601 ngày 10 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (08) 38 960 240
- Fax : (08) 38 960 241

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

## 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hoài Nam	Chủ tịch
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dụ	Thành viên
Ông Lâm Tứ Duy	Thành viên
Ông Lục Chánh Trường	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	Thành viên

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Ngọc Lâm	Trưởng ban
Ông Hoàng Thanh Bình	Thành viên
Ông Lê Văn Diễn	Thành viên
Bà Trần Luyện Như An	Thành viên

18995  
CÔNG TY  
KIỂM HỮU  
TOÁN  
LIỆT NAM  
HỒ CHÍ MINH

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Lâm Tứ Duy	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Minh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Kế toán trưởng

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Huỳnh Tuấn Anh, chức vụ Giám đốc.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Ông NGUYỄN HOÀI NAM**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017





Số: 137/2017/BCKT-HCM.00625

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 3 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRẦN ĐẶC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>77.626.929.513</b>	<b>144.905.623.612</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>11.360.615.058</b>	<b>37.971.957.926</b>
Tiền	111	5.1	11.360.615.058	17.271.957.926
Các khoản tương đương tiền	112		-	20.700.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>12.065.511.818</b>	<b>76.202.956.145</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	12.065.511.818	76.202.956.145
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>17.277.150.895</b>	<b>5.749.451.572</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	10.405.040.143	4.582.952.674
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.831.298.055	760.424.174
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	2.041.312.940	3.280.425.660
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.000.500.243)	(2.874.350.936)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>13.175.560.351</b>	<b>8.125.665.539</b>
Hàng tồn kho	141		13.209.396.017	8.159.501.205
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.835.666)	(33.835.666)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>23.748.091.391</b>	<b>16.855.592.430</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	12.114.682.741	12.948.192.240
Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.950.441.480	2.246.060.374
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.682.967.170	1.661.339.816
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>288.535.835.820</b>	<b>240.226.777.411</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>276.980.912.185</b>	<b>222.517.792.567</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	272.598.782.250	222.421.555.685
Nguyên giá	222		603.878.180.871	511.586.924.366
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(331.279.398.621)	(289.165.368.681)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	4.382.129.935	96.236.882
Nguyên giá	228		5.353.910.156	478.280.510
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(971.780.221)	(382.043.628)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>9.987.904.886</b>	<b>17.089.804.661</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	9.987.904.886	17.089.804.661
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.567.018.749</b>	<b>619.180.183</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	1.567.018.749	619.180.183
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>366.162.765.333</b>	<b>385.132.401.023</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>234.013.775.661</b>	<b>226.232.753.915</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>131.716.329.925</b>	<b>133.990.733.363</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12.1	85.982.161.878	82.975.572.459
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.843.298.044	3.393.465.435
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	7.657.335.759	9.185.313.388
Phải trả người lao động	314	5.15	12.413.430.116	19.287.285.957
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	626.714.032	57.873.503
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	7.082.330.314	6.336.485.517
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18.1	14.220.299.648	12.049.996.233
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.19	1.890.760.134	704.740.871
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>102.297.445.736</b>	<b>92.242.020.552</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	5.12.2	1.877.270.000	2.444.037.487
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	15.722.897.718	42.632.087.023
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18.2	84.697.278.018	47.165.896.042
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>132.148.989.672</b>	<b>158.899.647.108</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.20	<b>132.148.989.672</b>	<b>158.899.647.108</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		85.000.000.000	85.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		85.000.000.000	85.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.066.465.669	31.898.951.368
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.082.524.003	42.000.695.740
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		620.809.728	16.527.538.042
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		14.461.714.275	25.473.157.698
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>366.162.765.333</b>	<b>385.132.401.023</b>



**NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**  
Kế toán trưởng



**HUYỀN TUẤN ANH**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

44899  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
KẾ TOÁN  
VIỆT  
- TP. HỒ CHÍ MINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	609.114.079.522	529.192.443.168
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	191.227.036	92.737.042
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		608.922.852.486	529.099.706.126
Giá vốn hàng bán	11	6.3	422.458.024.038	349.540.979.186
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>186.464.828.448</b>	<b>179.558.726.940</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.439.951.464	5.883.397.334
Chi phí tài chính	22	6.5	5.753.288.487	3.546.780.599
- Trong đó, chi phí lãi vay	23		5.753.288.487	3.546.780.599
Chi phí bán hàng	25	6.6	144.646.692.215	136.476.659.526
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	38.169.546.122	36.202.962.582
<b>Lợi thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.335.253.088</b>	<b>9.215.721.567</b>
Thu nhập khác	31	6.8	19.985.214.526	24.948.502.275
Chi phí khác	32	6.9	3.205.307.506	1.441.604.403
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>16.779.907.020</b>	<b>23.506.897.872</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>18.115.160.108</b>	<b>32.722.619.439</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.14	3.485.931.532	6.829.958.261
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.629.228.576</b>	<b>25.892.661.178</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.721	2.478



**NGUYỄN THỊ NGỌC LÃNH**  
Người lập biểu



**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**  
Kế toán trưởng



**HUỲNH TUẤN ANH**  
Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**


Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	18.115.160.108	32.722.619.439
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	45.037.007.393	38.942.690.579
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03	234.109.005	631.638.323
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.745.180.863)	(5.887.737.334)
Chi phí lãi vay	06	5.753.288.487	3.546.780.599
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>66.394.384.130</b>	<b>69.955.991.606</b>
(Tăng), giảm các khoản phải thu	09	(20.811.513.684)	1.605.633.451
(Tăng), giảm hàng tồn kho	10	(5.049.894.812)	(301.147.786)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(29.486.755.877)	(10.071.896.812)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(114.329.067)	(11.226.172.423)
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.677.814.684)	(3.506.634.882)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.062.213.465)	(9.148.672.464)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	20.161.433
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.601.201.749)	(7.604.160.209)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.409.339.208)</b>	<b>29.723.101.914</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(95.373.968.738)	(50.359.358.794)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	5.430.000	27.600.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(19.694.142.605)	(64.198.990.666)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	83.831.586.932	90.017.442.133
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.758.218.360	7.661.257.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.472.876.051)</b>	<b>(16.852.049.647)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	80.954.251.624	28.707.727.425
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(41.252.566.233)	(13.009.791.863)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(36.430.813.000)	(10.221.215.276)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>3.270.872.391</b>	<b>5.476.720.286</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>(26.611.342.868)</b>	<b>18.347.772.553</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>37.971.957.926</b>	<b>19.624.185.373</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	<b>11.360.615.058</b>	<b>37.971.957.926</b>

  
**NGUYỄN THỊ NGỌC LÃNH**  
 Người lập biểu

  
**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**  
 Kế toán trưởng

  
**HUYỄN TUẤN ANH**  
 Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức ("Công ty") là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa từ Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005935, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304803601 ngày 10 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là TDW) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 206/QĐ-SGDHCM ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### **1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là hoạt động thương mại, xây lắp và dịch vụ.

### **1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng – công nghiệp (trừ thiết kế, khảo sát, giám sát xây dựng);
- Xây dựng công trình cấp nước. Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty là quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn).

### **1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

### **1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

### **1.6 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số nhân viên của Công ty là 371 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 362 người).

## **2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

# **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

## **2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### **4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

18995  
CÔNG TY  
KIỂM NƯ  
H TOÁN  
VIỆT N  
TP. HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: là các chi phí liên quan đến chi phí lắp đặt, sửa chữa, thi công hệ thống cấp nước còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### ***Chi phí bảo hiểm nhân thọ và đồng phục nhân viên***

Chi phí bảo hiểm nhân thọ và đồng phục nhân viên được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng kể từ khi phát sinh, thời gian phân bổ là 2 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### 4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc thiết bị	03 – 05 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Phương tiện truyền dẫn	10 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm

#### 4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm (phần mềm máy tính, thiết bị đọc mã vạch và phần mềm kế toán).

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

#### **4.12 Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### **4.13 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

4489  
CÔNG T  
NHIỆM  
IỂM TO  
VIỆT  
- TP. HỒ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Tiền bản quyền*

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

#### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10% từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2017. Nhưng do Công ty đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra đến kỳ tính thuế năm 2013 và Thanh tra Bộ Tài chính kiểm tra kỳ tính thuế năm 2014 nên không điều chỉnh lại mức thuế suất những năm trước. Do đó, Công ty tiếp tục áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại: thuế suất thuế TNDN là 10% và giảm 50%.
- Đối với các hoạt động khác, theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.



### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.17 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.18 Công cụ tài chính**

##### **Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 4.19 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh	Cùng Tổng công ty
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	23.410.232	7.394.205
Tiền gửi ngân hàng - VND	11.337.204.826	17.264.563.721
Các khoản tương đương tiền - VND	-	20.700.000.000
	<b><u>11.360.615.058</u></b>	<b><u>37.971.957.926</u></b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	12.065.511.818	12.065.511.818	76.202.956.145	76.202.956.145
	<b><u>12.065.511.818</u></b>	<b><u>12.065.511.818</u></b>	<b><u>76.202.956.145</u></b>	<b><u>76.202.956.145</u></b>

(\*) Số dư tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gửi là 12 tháng, lãi suất tiền gửi từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.

**5.3 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên	1.239	-
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Phải thu các khách hàng tiền nước	8.279.433.493	3.588.547.851
Phải thu các khách hàng phí bảo vệ môi trường	1.023.179.100	500.908.805
Các khách hàng khác	1.102.426.311	493.496.018
	<b><u>10.405.040.143</u></b>	<b><u>4.582.952.674</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	VND	VND
<b><i>Trả trước người bán bên liên quan</i></b>		
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Cấp Nước	29.209.787	29.209.787
<b><i>Trả trước người bán khác</i></b>		
Công ty TNHH XD TM DV Nguyễn Ngọc	3.003.737.439	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Phú	2.262.559.399	-
Công Ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Miền Nam	267.523.207	332.479.150
Công ty TNHH CTCTN & HT Đô thị M.A.T	-	-
Công ty Tư Vấn Triển Khai Công Nghệ & Xây Dựng Giao Thông	82.478.247	87.306.681
Công ty TNHH Hải Hoàng Dương	-	140.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	185.789.976	171.428.556
	<b>5.831.298.055</b>	<b>760.424.174</b>

**5.5 Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b><i>Phải thu bên liên quan</i></b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên				
Phải thu do chi hộ	168.712.301	-	55.147.300	-
<b><i>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</i></b>				
Tạm ứng nhân viên	28.800.000	-	105.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	454.994.282	-	1.773.261.178	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.000.000	-	400.000.000	-
Cho mượn vật tư	866.478.094	-	836.000.000	-
Phải thu khác	122.328.263	-	111.017.182	-
	<b>2.041.312.940</b>	<b>-</b>	<b>3.280.425.660</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b><i>Phải thu thương mại tổ chức và cá nhân khác</i></b>				
Nợ quá hạn				
trên 6 tháng đến dưới 1 năm	921.527.367	645.069.154	201.168.975	140.818.282
Nợ quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	570.343.120	285.171.559	811.583.906	405.791.951
Nợ quá hạn trên 2 năm đến dưới 3 năm	541.104.273	162.331.282	350.731.290	105.219.387
Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên	60.097.478	-	2.162.696.385	-
	<b>2.093.072.238</b>	<b>1.092.571.995</b>	<b>3.526.180.556</b>	<b>651.829.620</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu thương mại như sau:

	<b>Nợ phải thu thương mại VND</b>
Tại ngày 01/01/2016	(2.874.350.936)
Trích lập dự phòng bổ sung	(234.109.005)
Giảm do xử lý nợ khó đòi	2.107.959.698
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>(1.000.500.243)</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.205.878.025	(33.835.666)	8.136.096.205	(33.835.666)
Công cụ, dụng cụ	284.168.092	-	23.405.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.719.349.900	-		
	<b>13.209.396.017</b>	<b>(33.835.666)</b>	<b>8.159.501.205</b>	<b>(33.835.666)</b>

**5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	3.034.200.000	2.914.200.000
Chi phí gắn đồng hồ nước	2.142.663.820	10.033.992.240
Chi phí trả trước ngắn hạn khác (*)	6.937.818.921	-
	<b>12.114.682.741</b>	<b>12.948.192.240</b>

(\*) Là phần còn lại của giá vốn nước sạch của kỳ 12/2016 do Công ty thực hiện mô hình ghi – thu mới nên lịch đọc chỉ số đồng hồ nước từ 20 đọt/tháng giảm xuống còn 8 đọt/tháng bắt đầu từ kỳ 12/2016. Nhưng do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên vẫn chưa thay đổi lịch đọc số đồng hồ tổng nên Công ty đã tạm tính khoản chênh lệch ước tính là 6.937.818.921 VND (tương đương 1.381.488 m<sup>3</sup>) vào chi phí trả trước chờ kết chuyển vào kỳ 01/2017.

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Chi phí công cụ, dụng cụ	<b>1.567.018.749</b>	<b>619.180.183</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Vào ngày 01/01/2016	2.484.324.291	14.691.280.197	491.618.607.497	2.792.712.381	511.586.924.366
Mua trong năm	-	347.100.000	11.569.779.045	-	11.916.879.045
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		5.726.205.568	77.676.183.353	-	83.402.388.921
Giảm khác	-	-	(3.028.011.461)	-	(3.028.011.461)
Vào ngày 31/12/2016	2.484.324.291	20.764.585.765	577.836.558.434	2.792.712.381	<b>603.878.180.871</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Vào ngày 01/01/2016	1.882.232.025	5.282.814.450	280.716.175.460	1.284.146.746	289.165.368.681
Khấu hao trong năm	115.483.284	2.433.952.537	41.349.274.131	548.560.848	44.447.270.800
Giảm khác	-	-	(2.333.240.860)	-	(2.333.240.860)
Vào ngày 31/12/2016	1.997.715.309	7.716.766.987	319.732.208.731	1.832.707.594	<b>331.279.398.621</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Vào ngày 01/01/2016	602.092.266	9.408.465.747	210.902.432.037	1.508.565.635	222.421.555.685
Vào ngày 31/12/2016	486.608.982	13.047.818.778	258.104.349.703	960.004.787	<b>272.598.782.250</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2016	397.112.000	2.382.725.461	117.359.920.479	49.909.091	120.189.667.031
Vào ngày 31/12/2016	397.112.000	2.695.017.132	147.991.978.423	49.909.091	<b>151.134.016.646</b>

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá trị còn lại của phương tiện truyền dẫn dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 108.089.301.833 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 75.206.716.887 VND) – Xem thêm mục 5.18.

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 01/01/2016	478.280.510
Mua trong năm	4.875.629.646
Tại ngày 31/12/2016	<b>5.353.910.156</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 01/01/2016	382.043.628
Khấu hao trong năm	589.736.593
Tại ngày 31/12/2016	<b>971.780.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 01/01/2016	96.236.882
Tại ngày 31/12/2016	<b>4.382.129.935</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2016	158.390.510
Tại ngày 31/12/2016	<b>413.390.510</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	01/01/2016 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Kết chuyển giảm khác VND	31/12/2016 VND
Mua sắm tài sản cố định	-	2.053.268.635	(2.052.468.635)	-	800.000
Xây dựng cơ bản dở dang					
- Các công trình phát triển mạng lưới cấp nước	11.588.785.786	49.014.629.194	(52.504.413.465)	(4.194.446.867)	3.904.554.648
- Lắp đặt đồng hồ tổng	96.817.306	5.630.688.262	(5.726.205.568)	-	1.300.000
- Sửa chữa ống mục	5.404.201.569	26.713.189.880	(25.184.681.188)	(851.460.023)	6.081.250.238
	<b>17.089.804.661</b>	<b>83.411.775.971</b>	<b>(85.467.768.856)</b>	<b>(5.045.906.890)</b>	<b>9.987.904.886</b>

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn****5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	47.311.856.329	48.878.961.856
Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước	3.504.500.174	3.067.245.634
Công ty Công trình Giao thông Công Chính	-	12.502.927
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>		
Công ty TNHH Đạt Đức	11.290.464.454	5.582.969.321
Các nhà cung cấp khác	23.875.340.921	25.433.892.721
	<b>85.982.161.878</b>	<b>82.975.572.459</b>

**5.12.2 Phải trả người bán dài hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên	1.877.270.000	2.444.037.487
	<b>1.877.270.000</b>	<b>2.444.037.487</b>

**5.12.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Người mua trả tiền trước khác</b>		
Người mua trả tiền trước là phí gắn đồng hồ nước chi tiết như sau:		
Công ty TNHH MTV An Phú	429.989.005	-
Khu Quản lý Giao Thông Đô Thị Số 2	211.728.364	-
Ban Quản lý Đầu tư Quận 9	74.287.443	834.523.000
Ban Quản lý dự án Cải tạo Kênh Ba Bò	-	1.007.216.732
Các khách hàng khác	1.127.293.232	1.551.725.703
	<b>1.843.298.044</b>	<b>3.393.465.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.14 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2016		Số phát sinh trong năm			31/12/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Bù trừ số nợ thừa VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
- Thuế GTGT tạm nộp tiền đền bù đường ống cấp nước		(1.143.859.987)	-	-	(74.287.761)	-	(1.218.147.748)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.811.557.194	-	3.485.931.532	-	(5.062.213.465)	2.235.275.261	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	(517.479.829)	1.760.247.225	(677.971.791)	(1.029.615.027)	-	(464.819.422)
- Các loại phí, lệ phí khác	5.373.756.194	-	55.216.790.713	-	(55.168.486.409)	5.422.060.498	-
<b>Cộng</b>	<b>9.185.313.388</b>	<b>(1.661.339.816)</b>	<b>60.462.969.470</b>	<b>(677.971.791)</b>	<b>(61.334.602.662)</b>	<b>7.657.335.759</b>	<b>(1.682.967.170)</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng bán nước sạch là 5% và hoạt động khác là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề ưu đãi đầu tư, Công ty được áp dụng mức thuế suất là 10% từ năm 2009 đến năm 2021 và giảm 50% từ năm 2009 đến năm 2017. Nhưng do Công ty đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm tra đến kỳ tính thuế năm 2013 và Thanh tra Bộ Tài chính kiểm tra kỳ tính thuế năm 2014 nên không điều chỉnh lại mức thuế suất những năm trước. Do đó, Công ty tiếp tục áp dụng ưu đãi thuế TNDN cho thời gian còn lại: Thuế suất thuế TNDN là 10% và giảm 50%.
- Đối với các hoạt động khác, theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

044896  
**ÔNG T**  
**NHIỆM H**  
**M TOA**  
**VIỆT N**  
**TP. HỒ C**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.115.160.108	32.722.619.439
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
Các khoản điều chỉnh tăng	240.409.431	229.479.385
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	18.355.569.539	32.952.098.824
Trong đó:		
- Thu nhập được ưu đãi thuế TNDN	1.148.357.683	2.467.667.533
- Thu nhập không được ưu đãi thuế TNDN	17.207.211.856	30.484.431.291
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế TNDN được ưu đãi	5%	5%
- Thuế suất thuế TNDN không được ưu đãi	20%	22%
	<b>3.498.860.255</b>	<b>6.829.958.261</b>
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp của các năm trước	(12.928.723)	-
<b>Tổng thuế TNDN còn phải nộp</b>	<b>3.485.931.532</b>	<b>6.829.958.261</b>

**Thuế bảo vệ môi trường**

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động mua, bán nước sạch với mức 10% trên giá bán nước.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**5.15 Phải trả người lao động**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền lương còn phải trả	8.396.430.116	15.216.399.945
Lương tháng 13	4.017.000.000	4.070.886.012
	<b>12.413.430.116</b>	<b>19.287.285.957</b>

**5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	155.603.374	57.873.503
Các chi phí trích trước liên quan đến việc bồi nhận bồi thường hệ thống cấp nước đã ghi nhận doanh thu khác	471.110.658	-
	<b>626.714.032</b>	<b>57.873.503</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	69.095.423	48.550.709
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.140.556.985	5.230.828.077
Phải trả chi phí cho đội thi công công trình	31.567.376	256.579.228
Phải trả cổ tức	207.758.370	88.571.370
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	552.473.889	480.803.759
Phải trả khác	80.878.271	231.152.374
	<b>7.082.330.314</b>	<b>6.336.485.517</b>

**5.17.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên		
Phải trả cổ phần hóa	-	30.000.000.000
<b>Phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 2 (*)	13.546.336.211	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (*)	1.001.126.841	11.358.284.747
Công ty TNHH MTV Phát triển Khu Công Nghệ Cao (*)	326.233.149	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Hà Tiên 1	849.201.517	1.273.802.276
	<b>15.722.897.718</b>	<b>42.632.087.023</b>

(\*) Số tiền nhận từ việc bồi thường di dời tuyến ống cấp nước và sẽ được ghi tăng thu nhập khác khi hoàn tất hồ sơ bàn giao mặt bằng.

**5.17.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.18 Vay ngắn hạn, dài hạn****5.18.1 Vay ngắn hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả cho bên liên quan</i>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên <i>Xem thêm mục 5.18.2</i>	6.157.263.648	6.157.263.648	11.252.566.233	11.252.566.233
<i>Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác</i>				
Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.2</i>	7.796.036.000	7.796.036.000	797.430.000	797.430.000
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.2</i>	128.414.000	128.414.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.2</i>	138.586.000	138.586.000	-	-
	<b>14.220.299.648</b>	<b>14.220.299.648</b>	<b>12.049.996.233</b>	<b>12.049.996.233</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2106 VND	Kết chuyển từ vay dài hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2016 VND
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>				
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	11.252.566.233	6.157.263.648	(11.252.566.233)	6.157.263.648
Vay dài hạn đến hạn trả cho các tổ chức khác	797.430.000	7.265.606.000	-	8.063.036.000
	<b>12.049.996.233</b>	<b>13.422.869.648</b>	<b>(11.252.566.233)</b>	<b>14.220.299.648</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.18.2 Vay dài hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.1</i>	13.098.334.969	13.098.334.969	19.255.598.617	19.255.598.617
<b>Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác</b>				
Vay dài hạn ngân hàng				
Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.1</i>	62.253.800.571	62.253.800.571	27.910.297.425	27.910.297.425
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP (c) Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.1</i>	4.494.560.605	4.494.560.605	-	-
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP (d) Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức <i>Xem thêm thuyết minh 5.18.1</i>	4.850.581.873	4.850.581.873	-	-
	<b>84.697.278.018</b>	<b>84.697.278.018</b>	<b>47.165.896.042</b>	<b>47.165.896.042</b>

**Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:**

- (a) Khoản vay dài hạn Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên theo nhiều hợp đồng vay chi tiết như sau:

Mục đích vay : Đầu tư và phát triển mạng lưới cấp nước.  
 Thời hạn vay : 10 năm.  
 Lãi suất vay : Từ 5,4%/năm đến 11,4%/ năm.  
 Hình thức đảm bảo : Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.  
 Số dư tại ngày 31/12/2016 : 13.098.334.969 VND.

- (b) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn theo hợp đồng tín dụng số 6220-LAV-201501035/HĐTD ngày 16 tháng 11 năm 2015 được chi tiết như sau:

Mục đích vay : Đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước.  
 Thời hạn vay : 10 năm.  
 Lãi suất vay : 7,8%/năm.  
 Hình thức đảm bảo : Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.  
 Hạn mức vay : 85.000.000.000 VND.  
 Số dư tại ngày 31/12/2016 : 62.253.800.571 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

(c) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóng Thần theo hợp đồng vay số 0035/TD8/16CD ngày 14 tháng 12 năm 2016 được chi tiết như sau:

Mục đích vay	: Thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư thực hiện dự án; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: Lãi suất cố định áp dụng năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau 1 năm, áp dụng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) cộng 1,4%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Hạn mức vay	: 46.646.000.000 VND.
Số dư tại ngày 31/12/2016	: 4.494.560.605 VND.

(d) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng vay số 0038/042/16/246 ngày 11 tháng 11 năm 2016 được chi tiết như sau

Mục đích vay	: Thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến đầu tư thực hiện dự án; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp theo quyết định đầu tư đối với dự án.
Thời hạn vay	: 10 năm.
Lãi suất vay	: Lãi suất cố định áp dụng năm đầu tiên là 7,5%/năm. Sau 1 năm, áp dụng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng (Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank) cộng 1,4%/năm.
Hình thức đảm bảo	: Bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
Hạn mức vay	: 27.712.000.000 VND.
Số dư tại ngày 31/12/2016	: 4.850.581.873 VND.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến trên 5 năm VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>			
Vay dài hạn bên liên quan	19.255.598.614	6.157.263.648	13.098.334.966
Vay dài hạn ngân hàng	79.661.979.052	8.063.036.000	71.598.943.052
	<b>98.917.577.666</b>	<b>14.220.299.648</b>	<b>84.697.278.018</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Vay dài hạn bên liên quan	30.508.164.850	11.252.566.233	19.255.598.617
Vay dài hạn ngân hàng	28.707.727.425	797.430.000	27.910.297.425
	<b>59.215.892.275</b>	<b>12.049.996.233</b>	<b>47.165.896.042</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn VND	31/12/2016 VND
Vay dài hạn bên liên quan	19.255.598.617	-	-	(6.157.263.648)	13.098.334.969
Vay dài hạn ngân hàng	27.910.297.425	80.954.251.624	(30.000.000.000)	(7.265.606.000)	71.598.943.049
	<b>47.165.896.042</b>	<b>80.954.251.624</b>	<b>(30.000.000.000)</b>	<b>(13.422.869.648)</b>	<b>84.697.278.018</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.18.3 Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	01/01/2016 VND	Tăng do trích lập từ lợi nhuận VND	Chi quỹ trong năm VND	31/12/2016 VND
Quỹ khen thưởng	703.039.857	3.000.000.000	(2.888.494.749)	814.545.108
Quỹ phúc lợi	1.701.014	1.235.886.012	(161.372.000)	1.076.215.026
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	594.000.000	(594.000.000)	-
	<b>704.740.871</b>	<b>4.829.886.012</b>	<b>(3.643.866.749)</b>	<b>1.890.760.134</b>

**5.20 Vốn chủ sở hữu ("CSH")****5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Năm trước</b>				
Tại ngày 01/01/2015	85.000.000.000	31.479.447.888	32.182.256.159	148.661.704.047
Lãi trong năm	-	-	25.892.661.178	25.892.661.178
Tăng do thuế TNDN được ưu đãi chuyển sang quỹ đầu tư phát triển theo Kiểm toán Nhà Nước	-	419.503.480	(419.503.480)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.454.718.117)	(5.454.718.117)
Chia cổ tức	-	-	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>31.898.951.368</b>	<b>42.000.695.740</b>	<b>158.899.647.108</b>
<b>Năm nay</b>				
Tại ngày 01/01/2016	85.000.000.000	31.898.951.368	42.000.695.740	158.899.647.108
Lãi trong năm	-	-	14.629.228.576	14.629.228.576
Tăng do thuế TNDN được ưu đãi chuyển sang quỹ đầu tư phát triển theo Kiểm toán Nhà nước	-	167.514.301	(167.514.301)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(4.829.886.012)	(4.829.886.012)
Chia cổ tức	-	-	(36.550.000.000)	(36.550.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>32.066.465.669</b>	<b>15.082.524.003</b>	<b>132.148.989.672</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH một thành viên	43.350.000.000	51,00	43.350.000.000	51,00
Công ty cổ phần Cơ Điện Lạnh	37.547.200.000	44,17	36.647.200.000	43,11
Cổ đông khác	4.102.800.000	4,83	5.002.800.000	5,89
	<b>85.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>85.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**5.20.3 Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.500.000	8.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu phổ thông	8.500.000	8.500.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

**5.20.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 20.400.000.000
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 4.829.886.012

Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2016 cho các cổ đông với số tiền 16.150.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 033/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 12 năm 2016.

**5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****5.21.1 Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Giá trị tài sản thuê	79.359.948.071	99.045.479.199

Công ty thuê mạng lưới cấp nước của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên thuê theo hợp đồng thuê số 3468 ngày 28 tháng 6 năm 2016, bổ sung phụ lục số 7860/HĐ-TCT-KTTC và 7909/HĐ-TCT-KKTC ngày 30 tháng 12 năm 2016. Thời hạn thuê là 1 năm.

**5.21.2 Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND	Nguyên nhân xóa số
<b>Phải thu thương mại</b>			
Các khách hàng mua nước sạch	2.218.717.386	-	Không thể thu hồi
Gắn đồng hồ nước trả góp	46.995.022	-	Không thể thu hồi
	<b>2.265.712.408</b>	-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu cung cấp nước sạch	601.008.244.010	521.184.412.282
Doanh thu lắp đặt đồng hồ nước và dịch vụ	8.105.835.512	8.008.030.886
	<b>609.114.079.522</b>	<b>529.192.443.168</b>

**6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hàng bán bị trả lại	79.792.063	56.106.630
Giảm giá hàng bán	111.434.973	36.630.412
	<b>191.227.036</b>	<b>92.737.042</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	417.442.965.166	344.077.039.519
Giá vốn lắp đặt đồng hồ nước và dịch vụ	5.015.058.872	5.463.939.667
	<b>422.458.024.038</b>	<b>349.540.979.186</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	<b>3.439.951.464</b>	<b>5.883.397.334</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	<b>5.753.288.487</b>	<b>3.546.780.599</b>

**6.6 Chi phí bán hàng**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	44.459.632.773	42.935.194.948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.783.226.668	38.182.023.270
Chi phí gắn đồng hồ nước miễn phí	34.725.108.463	39.284.983.201
Chi phí thuê tài sản cố định	10.505.383.772	6.635.656.090
Chi phí bán hàng khác	11.173.340.539	9.438.802.017
	<b>144.646.692.215</b>	<b>136.476.659.526</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.504.146.577	18.808.559.711
Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho nhân viên	4.094.400.000	3.514.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.253.780.725	760.667.309
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.317.218.820	13.119.535.562
	<b>38.169.546.122</b>	<b>36.202.962.582</b>

**6.8 Thu nhập khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập từ bồi thường di dời hệ thống cấp nước	15.584.061.530	22.627.741.080
Thu nhập từ truy thu tiền nước	2.543.850.805	1.825.466.561
Thu nhập nhượng bán vật tư, thanh lý vật tư	1.666.116.302	78.334.212
Thu nhập khác	191.185.889	416.960.422
	<b>19.985.214.526</b>	<b>24.948.502.275</b>

**6.9 Chi phí khác**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhượng bán, thanh lý vật tư	1.082.743.385	75.383.987
Chi phí di dời hệ thống cấp nước	856.353.956	874.842.996
Chi phí từ truy thu tiền nước	530.145.228	356.345.929
Chi phí khác	736.064.937	134.931.491
	<b>3.205.307.506</b>	<b>1.441.504.403</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.629.228.576	25.892.661.178
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(4.829.886.012)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.629.228.576	21.062.775.166
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	8.500.000	8.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1.721</b>	<b>2.478</b>

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 4.829.886.012 VND, vì vậy lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm đi một khoản tương ứng. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.046 VND xuống còn 2.478 VND. Và trong năm này, Công ty vẫn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của kết quả kinh doanh năm 2016.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.500.000	8.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>8.500.000</b>	<b>8.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn vốn nước sạch	417.442.965.166	344.077.039.519
Chi phí nguyên vật liệu	34.902.981.142	37.652.701.222
Chi phí nhân công	60.109.988.350	58.025.094.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.037.007.393	38.942.690.579
Chi phí sửa chữa ống mưng	627.688.438	701.244.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.366.280.894	24.780.047.971
Chi phí khác	18.787.350.992	18.041.782.649
	<b>605.274.262.375</b>	<b>522.220.601.294</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	80.954.251.624	28.707.727.425
	<b>80.954.251.624</b>	<b>28.707.727.425</b>

**7.2 Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	41.252.566.233	13.009.791.863
	<b>41.252.566.233</b>	<b>13.009.791.863</b>

**8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**i. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, trái phiếu, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### *Rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

#### **ii. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### **iii. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	VND Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>				
Các khoản vay	14.220.299.648	58.007.370.746	26.689.907.272	98.917.577.666
Phải trả người bán	85.982.161.878	1.877.270.000	-	87.859.431.878
Chi phí phải trả	626.714.032	-	-	626.714.032
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.253.002.632	15.722.897.018	-	21.975.900.350
	<b>107.082.178.190</b>	<b>75.607.537.764</b>	<b>26.689.907.272</b>	<b>209.379.623.926</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>				
Các khoản vay	12.049.996.233	28.707.727.425	18.458.168.617	59.215.892.275
Phải trả người bán	82.975.572.459	2.444.037.487	-	85.419.609.946
Chi phí phải trả	57.873.503	-	-	57.873.503
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.718.559.679	42.632.087.023	-	48.350.646.702
	<b>100.802.001.874</b>	<b>73.783.851.935</b>	<b>18.458.168.617</b>	<b>193.044.022.426</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố tài sản cố định của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.9).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2015

**iv. Giá trị hợp lý**

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	10.405.040.143	4.582.952.674	10.405.040.143	4.582.952.674
Các khoản phải thu khác	2.012.512.940	3.175.425.660	2.012.512.940	3.175.425.660
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư ngắn hạn	12.065.511.818	76.202.956.146	12.065.511.818	76.202.956.146
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.360.615.058	37.971.957.926	11.360.615.058	37.971.957.926
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.843.679.959</b>	<b>121.933.292.406</b>	<b>35.843.679.959</b>	<b>121.933.292.406</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay	98.917.577.666	59.215.892.275	98.917.577.666	59.215.892.275
Phải trả người bán	87.859.431.878	85.419.609.946	87.859.431.878	85.419.609.946
Chi phí phải trả	626.714.032	57.873.503	626.714.032	57.873.503
Phải trả, phải nộp khác	21.975.900.350	48.350.646.702	21.975.900.350	48.350.646.702
<b>Tổng cộng</b>	<b>209.379.623.926</b>	<b>193.044.022.426</b>	<b>209.379.623.926</b>	<b>193.044.022.426</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### (2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

#### **Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

#### **Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

## 9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	<u>3.451.254.366</u>	<u>3.300.544.447</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Tổng Công Ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên</b>		
<i>Mua hàng, dịch vụ</i>		
Mua sỉ nước sạch	424.380.784.087	344.077.039.519
Mua vật tư	4.877.818.000	6.350.839.000
Mua tài sản	13.392.659.622	-
Thuê tài sản	10.505.383.772	6.635.656.090
Lãi vay phát sinh	2.562.289.615	3.506.634.882
Chia cổ tức	18.640.500.000	5.202.000.000
Khác	84.200.000	38.400.000
<i>Bán hàng, dịch vụ</i>		
Lắp đặt trụ cứu hỏa	-	91.501.005
Tư vấn quản lý dự án	588.761.817	-
<b>Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước</b>		
<i>Mua hàng và dịch vụ</i>		
Mua vật tư	823.916.000	-
Mua dịch vụ	8.153.475.410	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

*Công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan khác*

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn – TNHH Một thành viên</b>		
Phải thu khách hàng – Xem mục 5.2	1.239	-
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.5	168.712.301	55.147.300
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12	(49.189.126.329)	(51.322.999.343)
Phải trả khác – Xem thêm mục 5.17	-	(30.000.000.000)
Vay phải trả – Xem thêm mục 5.18	(19.255.598.617)	(30.508.164.850)
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp nước</b>		
Trả trước người bán – Xem thêm mục 5.4	29.209.787	29.209.787
<b>Công ty Cổ phần Cơ Khí Công Trình Cấp Nước</b>		
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12	(3.504.500.174)	(3.067.245.634)
<b>Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Công Chánh</b>		
Phải trả người bán – Xem thêm mục 5.12	-	(12.502.927)

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**9.2 Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9.2.1 Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực: cung cấp nước sạch
- Lĩnh vực: gắn đồng hồ nước và dịch vụ khách

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Cung cấp nước sạch	Gắn đồng hồ nước và dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Năm 2016</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	600.828.915.392	8.093.937.094	608.922.852.486
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	600.828.915.392	8.093.937.094	608.922.852.486
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(417.442.965.166)	(5.015.058.872)	(422.458.024.038)
Lãi gộp theo bộ phận	183.385.950.226	3.078.878.222	186.464.828.448
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(182.816.238.337)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			3.648.590.111
Doanh thu hoạt động tài chính			3.439.951.464
Chi phí tài chính			(5.753.288.487)
Thu nhập khác			19.985.214.526
Chi phí khác			(3.205.307.506)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.485.931.532)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>14.629.228.576</b>
<b>Năm 2015</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	521.100.890.715	7.998.815.411	529.099.706.126
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	521.100.890.715	7.998.815.411	529.099.706.126
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(344.077.039.519)	(5.463.939.667)	(349.540.979.186)
Lãi gộp theo bộ phận	177.023.851.196	2.534.875.744	179.558.726.940
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(172.679.622.108)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.879.104.832
Doanh thu hoạt động tài chính			5.883.397.334
Chi phí tài chính			(3.546.780.599)
Thu nhập khác			24.948.502.275
Chi phí khác			(1.441.604.403)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.829.958.261)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			<b>25.892.661.178</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC**

Số 8, đường Khổng Tử, phường Bình Thới, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

**9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

**9.3 Số liệu so sánh**

Trong năm, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 là 4.829.886.012 VND, vì vậy lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng giảm đi một khoản tương ứng. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 3.046 VND xuống còn 2.478 VND.

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.046	(568)	2.478

**9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**9.5 Thông tin khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 54.089.400.412 VND, do trong năm Công ty đã sử dụng tiền để chi trả trước hạn khoản vay dài hạn, đồng thời các khoản nợ ngắn hạn tại ngày này chủ yếu là khoản nợ do mua sỉ nước sạch, vật tư, tài sản cố định từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH Một thành viên. Ban giám đốc Công ty xác định đây là các khoản nợ phải trả phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty.



**NGUYỄN THỊ NGỌC LÀNH**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ NGỌC HẠNH**  
Kế toán trưởng




**HUỲNH TUẤN ANH**  
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 3 năm 2017

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo Phương pháp trực tiếp)

NĂM 2016

Đơn vị Tính: Đồng Việt nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
<b><u>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</u></b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		690.054.009.077	604.780.539.356
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(538.227.200.825)	(435.143.106.441)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(56.543.452.759)	(51.142.372.569)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5.677.814.684)	(3.506.634.882)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(5.062.213.465)	(9.148.672.464)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		28.601.136.961	11.137.362.968
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(116.553.803.513)	(87.254.014.054)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.409.339.208)</b>	<b>29.723.101.914</b>
<b><u>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</u></b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(95.373.968.738)	(50.359.358.794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		5.430.000	27.600.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.694.142.605)	(64.198.990.666)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		83.831.586.932	90.017.442.133
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.758.218.360	7.661.257.680
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(26.472.876.051)</b>	<b>(16.852.049.647)</b>
<b><u>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</u></b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		80.954.251.624	28.707.727.425
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.252.566.233)	(13.009.791.863)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.430.813.000)	(10.221.215.276)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.270.872.391</b>	<b>5.476.720.286</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(26.611.342.868)</b>	<b>18.347.772.553</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>37.971.957.926</b>	<b>19.624.185.373</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>		<b>11.360.615.058</b>	<b>37.971.957.926</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Lành

Nguyễn Thị Ngọc Hạnh

Huỳnh Tuấn Anh

